* Nội dung sách Hướng dẫn sử dụng này có thể khác với điện thoại, tuỳ thuộc bản phần mềm trong máy và nhà cung cấp mạng.

World Wide Web
http://www.samsungmobile.com

Printed in Korea
Code number: GH68-04585A
Tiếng Việt 12/2003 Rev. 1.0

SAMSUNG

ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG GPRS SGH-C100

Hướng dẫn sử dụng

Ý kiến đóng góp và các thắc mắc về bản tiếng Việt của Điện thoại xin gửi về:

Công ty TNHH Bình Minh
Tel: +84903-362-452
Fax: +848-5121-397
Email: binhminhsoft@gmx.net

Mục lục

Hướng dẫn về an toàn sử dụng..... 7

Các phụ kiện đi kèm.....9

Điện thoại của bạn 10
Các bộ phận của điện thoại 10
Các biểu tượng trên màn hình 13
Đèn báo sóng 15

Bắt đầu 16
Gắn thẻ SIM 16
Nạp pin 18
Bật và tắt điện thoại.....20
Khoá và mở bàn phím 21

Các thao tác cơ bản 22
Thực hiện cuộc gọi 22
Thay đổi âm lượng của loa 24
Trả lời điện thoại 25
Xem các cuộc gọi bị nhỡ 26
Chuyển nhanh sang chế độ yên lặng 28

Chọn các chức năng và tuỳ chọn 29

Danh bạ điện thoại 31
Lưu số điện thoại và tên vào danh bạ 31
Các tùy chọn của danh bạ điện thoại.....34
Tìm và gọi một số trong danh bạ.....35
Sửa nhóm người gọi.....37
Gọi nhanh 38
Xoá danh bạ 40
Kiểm tra thông tin bộ nhớ 41

Nhập chữ 42
Thay đổi chế độ nhập 43
Nhập chữ tiên đoán (T9) 44

Mục lục (tiếp theo)

Nhập chữ hoa/chữ thường 46
Nhập ký tự đặc biệt 47
Nhập số 47

Các tùy chọn trong lúc đàm thoại 48
Giữ cuộc gọi 48
Tạm thời tắt microphone 49
Bật/tắt âm bàn phím.....50
Gửi âm DTMF 50
Tìm số điện thoại trong danh bạ 51
Chức năng tin nhắn 51
Trả lời cuộc gọi thứ hai 52
Cuộc gọi hội nghị 52

Sử dụng Menu 55
Di chuyển lần lượt đến Menu 55
Di chuyển nhanh 56
Sơ đồ chức năng 56

Tin nhắn 62
Hộp thư đến (Menu 1.1) 62
Hộp thư đi (Menu 1.2) 63
Viết tin mới (Menu 1.3) 65
Khuôn mẫu (Menu 1.4) 67
Cài đặt (Menu 1.5) 68
Xoá toàn bộ (menu 1.6)..... 69
Kho chuông/ảnh động (Menu 1.7) 70
Thông tin bộ nhớ (Menu 1.8) 71
Hộp thư thoại (Menu 1.9) 71
Bản tin (Menu 1.10) 72

Quản lý cuộc gọi 74
Cuộc gọi nhỡ (Menu 2.1) 74
Các số đã nhận (Menu 2.2) 74
Các số đã gọi (Menu 2.3) 75

Xoá toàn bộ (Menu 2.4) 75
Thời gian gọi (Menu 2.5) 76
Cước phí gọi (Menu 2.6) 76

Cài đặt âm thanh 78
Kiểu chuông (Menu 3.1) 78
Âm lượng chuông (Menu 3.2) 78
Rung/chuông (Menu 3.3) 79
Âm bàn phím (Menu 3.4) 79
Báo tin nhắn (Menu 3.5) 80
Âm bật/tắt (Menu 3.6) 81
Các âm khác (Menu 3.7) 82

Cài đặt điện thoại 83
Chế độ hồng ngoại (Menu 4.1) 83
Cài đặt riêng (Menu 4.2) 84
Lời chào (Menu 4.3) 85
Số của bạn (Menu 4.4)..... ...86
Ngôn ngữ (Menu 4.5).....86
Khoá máy (Menu 4.6) 86
Cài đặt màn hình (Menu 4.7) 90
Cài đặt khác (Menu 4.8) 91
Phím nóng (Menu 4.9) 92
Xoá mọi cài đặt (Menu 4.10) 92

Tiện ích.....93
Lịch năm (Menu 5.1) 93
Việc cần làm (Menu 5.2) 96
Thời gian (Menu 5.3) 99
Báo thức (Menu 5.4) 100
Máy tính (Menu 5.5) 101
Đổi tiền (Menu 5.6) 102

Dịch vụ mạng 103
Chuyển cuộc gọi (Menu 6.1) 103
Khoá cuộc gọi (Menu 6.2) 105
Giữ cuộc gọi (Menu 6.3) 107

Mục lục (tiếp theo)

Lựa chọn mạng (Menu 6.4) 108
Giấu số (Menu 6.5) 109
Gọi nhóm (Menu 6.6) 109

Giải trí 111
Trò chơi (Menu 7.1) 111
Trình duyệt WAP (Menu 7.2) 112
Tải về (Menu 7.3) 119

Hỏi đáp 121

Các loại khoá điện thoại 124
Mã bảo vệ máy 124
Mã PIN 125
Mã PUK 125
Mã PIN2 126
Mã PUK2 126
Mã khoá cuộc gọi 127

Thông tin về ảnh hưởng sức khoẻ 128

Ảnh hưởng của sóng vô tuyến 128
Sử dụng pin 130
An toàn khi lái xe 132
Môi trường hoạt động 134
Các thiết bị điện tử 134
Những nơi dễ cháy nổ 136
Điện thoại khẩn cấp 137
Các thông tin quan trọng khác 138
Bảo quản điện thoại 139

Từ điển thuật ngữ 141

Từ mục 145

Tra cứu nhanh 151

Hướng dẫn về an toàn sử dụng

Trước khi sử dụng điện thoại mới của mình, xin bạn để vài phút để đọc qua những hướng dẫn về an toàn sử dụng sau. Thông tin chi tiết hơn được trình bày trong phần “Thông tin về ảnh hưởng sức khỏe", trang 128.

1. Chú ý về an toàn giao thông. Việc gọi điện thoại khi lái xe có thể gây ra nhiều hậu quả không lường trước được. Xin dừng xe nếu muốn đàm thoại.

2. Tránh sử dụng điện thoại tại các điểm đổ xăng, các kho hóa chất hay xăng dầu.

3. Tắt điện thoại khi lên máy bay. Việc sử dụng điện thoại khi máy bay đang cất cánh hay hạ cánh có thể làm nhiễu sóng điều khiển không lưu, ảnh hưởng tới an toàn chuyến bay.

4. Không dùng điện thoại trong bệnh viện. Bệnh viện có các thiết bị chữa bệnh và thông tin có thể bị sóng điện thoại gây nhiễu.

5. Để tôn trọng người khác, tránh dùng điện thoại trong cuộc họp, nhà hát, rạp chiếu phim. Trong trường hợp cần thiết, bạn hãy chuyển chế độ báo cuộc gọi sang dạng rung để tránh làm phiền những người xung quanh.

6. Tất cả các điện thoại di động đều có thể bị nhiễu sóng, làm ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

7. Chỉ nên sửa chữa máy tại các trung tâm bảo hành do công ty Samsung ủy quyền. Việc sửa chữa máy tại các trung tâm không chính thức có thể dẫn tới việc các hư hỏng không được khắc phục hoàn toàn hay các linh kiện thay vào máy có chất lượng thấp, ảnh hưởng xấu tới tuổi thọ của máy.

8. Không nên đụng vào ăng ten khi máy đang hoạt động. Khi gọi, để điện thoại ở vị trí bình thường, áp vào tai.

9. Trong trường hợp khẩn cấp, bạn bật điện thoại và gọi số 112 (hoặc số cấp cứu khác - ở Việt nam, số cấp cứu là 113) rồi bấm phím .

Nhớ báo vị trí của bạn, và giữ liên lạc cho đến khi được tiếp cứu.

10.Chỉ dùng phụ tùng và pin chính hiệu của Samsung, vì các phụ tùng và pin trôi nổi trên thị trường thường có chất lượng xấu, có thể làm hỏng điện thoại của bạn.

Các phụ kiện đi kèm

Khi mở hộp điện thoại mới mua, bạn sẽ nhận được các thiết bị sau

Máy điện thoại

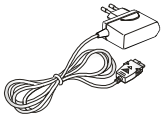

Sạc nhanh

Pin

Hướng dẫn sử dụng

Dây đeo tay

Các phụ kiện điện thoại thay đổi theo nước.

Ngoài ra, bạn có thể mua thêm các phụ kiện sau tại đại lý công ty Samsung:

- Tai nghe
- Bộ phụ kiện dùng trong ôtô
- Pin
- Bộ sạc trong ô tô
- Giá đỡ trong ô tô
- Bộ phụ kiện truyền số liệu kết nối với máy tính
- Sạc bàn

Điện thoại của bạn

Các bộ phận của điện thoại

Phím	Chức năng
	Phím dùng để di chuyển lên/xuống trong danh bạ điện thoại, các menu và tùy chọn. Trong trạng thái chờ, cho phép truy cập nhanh các menu bạn chọn (xem trang 92 để biết thêm chi tiết)
	Hai phím dùng để chọn menu hiện tại hoặc thoát về menu trước trong các menu và tuỳ chọn. Khi nhập chữ, di chuyển con trỏ sang trái / phải. Trong trạng thái chờ, cho phép truy cập nhanh các menu bạn chọn (xem trang 92 để biết thêm chi tiết)
	Menu trái /phải: hai phím Menu. Tùy theo từng trường hợp, hai phím này còn có ý nghĩa khác được viết ở dòng dưới cùng của màn hình.
	Dùng để xoá ký tự phía trước khi nhập chữ. Trong các menu, dùng để thoát về menu trước. Trong trạng thái chờ, phím này khởi động trình duyệt WAP.

Phím	Chức năng
	Thực hiện hoặc trả lời cuộc gọi. Khi bấm và giữ ở trạng thái chờ, phím này có chức năng xem lại các số vừa gọi. Khi đang ở trong các menu, phím này để chọn các chức năng của menu hoặc lưu dữ liệu bạn đã nhập.
	Dùng khi tắt mở máy hay kết thúc cuộc gọi. Khi đang ở trong các menu, cho phép bạn quay lại trạng thái chờ và hủy dữ liệu đã nhập.
	Kết nối với hộp thư thoại khi bấm và giữ trong trạng thái chờ.
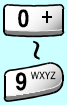	Dùng để nhập số hay ký tự.
	Dùng để nhập các ký tự đặc biệt và cho nhiều mục đích khác nhau tùy từng trạng thái.
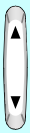	(bên hông điện thoại) Dùng chỉnh âm lượng trong khi nói và âm bàn phím trong trạng thái chờ. Trong các menu và danh bạ, hai phím này cho phép di chuyển lên/xuống.

Các biểu tượng trên màn hình

Màn hình có 3 phần chính:

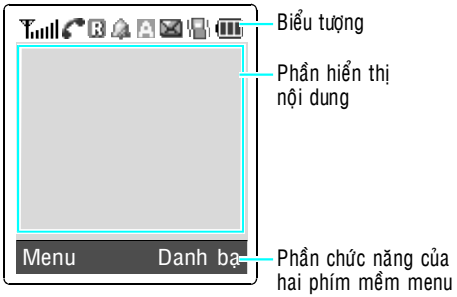

Phần hiển thị nội dung

Phần	Nội dung
Hàng trên cùng	Hiển thị các biểu tượng (xem trang 14)
Phần giữa	Hiển thị nội dung tin nhắn, các lời chỉ dẫn, số điện thoại bạn gọi, ...
Hàng dưới cùng	Hiển thị chức năng hiện tại của hai phím menu

Các biểu tượng

Ý nghĩa các biểu tượng như sau:

Báo tín hiệu sóng. Càng nhiều gạch đen thể hiện sóng càng mạnh.

Xuất hiện khi đang thực hiện cuộc gọi.

Xuất hiện khi đang kết nối với mạng GPRS

Xuất hiện khi điện thoại đang ở chế độ có báo rung hoặc yên lặng (xem trang 28 và 79 để biết thêm chi tiết)

Xuất hiện khi có tin nhắn (SMS) đến

Xuất hiện khi hộp thư thoại nhận được lời nhắn.

Xuất hiện khi đang nhập chữ, biểu thị chế độ nhập.

Xuất hiện khi có cài đặt báo thức.

Thể hiện thời gian hoạt động của pin. Càng nhiều gạch đen thì pin còn hoạt động được càng lâu.

Xuất hiện khi điện thoại đang kết nối hồng ngoại. Xem trang 83 để biết thêm chi tiết.

Xuất hiện khi bạn tắt microphone

Xuất hiện khi đang dùng dịch vụ chuyển vùng (đăng ký vào mạng khác).

Xuất hiện khi khoá bàn phím.

Đèn màn hình

Đèn màn hình bật sáng khi bạn bấm một phím bất kỳ. Đèn tự động mờ đi sau một khoảng thời gian không hoạt động để tiết kiệm pin. Bạn có thể chỉnh đèn màn hình theo ý mình trong tùy chọn **Đèn màn hình** (Back Light) trong Menu 4.7.2.

Bạn có thể thay thời gian chiếu sáng của đèn màn hình trong tùy chọn **Đèn màn hình** (Menu 4.7.2), xem trang 90 để biết thêm chi tiết.

Đèn báo sóng

Đèn báo sóng, ở góc phía trên bên trái của điện thoại, nhấp nháy khi có sóng. Bạn có thể vào tùy chọn **Đèn báo sóng** (Service Light - Menu 4.7.3) để bật hay tắt đèn này. Xin xem thêm trang 90 để biết thêm chi tiết.

Bắt đầu

Gắn thẻ SIM

Khi bạn đăng ký mạng điện thoại di động GSM, bạn sẽ được cấp thẻ SIM và các thông tin khác liên quan đến dịch vụ mạng như mã PIN.

Chú ý:
- Thẻ SIM của bạn rất dễ bị trầy xước, bạn nên cẩn thận khi lắp và gỡ thẻ SIM.
- Bạn cũng nên tránh cho trẻ em tiếp xúc với thẻ SIM.
- Trước khi gắn thẻ, phải tắt điện thoại và gỡ pin.

Tiến hành lần lượt các bước sau:

1. Tắt điện thoại (nếu đang bật) bằng cách nhấn ☎\⏻ cho đến khi màn hình tắt hẳn.
2. Gỡ pin bằng các nhấn chốt và nhấc pin ra.

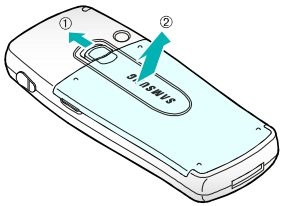

3. Trượt thẻ SIM vào khi giữ SIM, chú ý mặt vàng của thẻ SIM đưa xuống phía dưới, và góc vạt của thẻ nằm phía trên

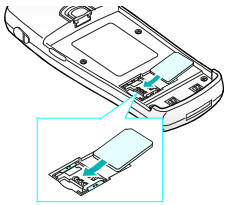

Chú ý: Khi cần gỡ thẻ **SIM**, trượt thẻ ra khỏi khe như hình vẽ

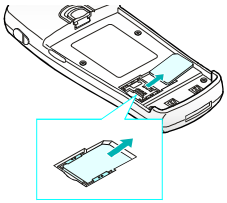

4. Gắn lại pin bằng cách trượt về phía dưới như hình vẽ, chú ý để các chấu của pin gắn đúng vào khe.

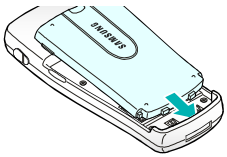

5. Ấn pin xuống cho đến khi lọt vào đúng vị trí. Chỉ bật lại điện thoại khi chốt của pin đã tự khoá lại.

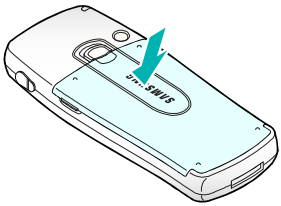

Nạp pin

Điện thoại dùng pin Li-Ion. Chỉ nên dùng các loại pin chính hiệu Samsung, vì các pin phụ kiện trôi nổi có điện áp không ổn định có thể làm hỏng điện thoại của bạn. Trước khi dùng lần đầu, bạn phải nạp đầy pin. Trong vài lần đầu nên sạc pin khoảng 4-6 giờ cho đầy pin, sau đó dùng hết pin mới sạc lại. Sau thời gian ban đầu này, thời gian sạc một pin đã dùng hết khoảng 200 phút. Khi nạp pin, điện thoại vẫn có thể dùng để nói chuyện được.

1. Để nạp điện cho pin, đầu tiên cắm đầu cắm của sạc vào đuôi điện thoại, chú ý phần mũi tên trên đầu cắm chĩa lên trên.

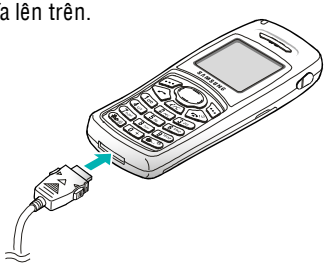

2. Cắm sạc vào nguồn điện. Biểu tượng pin trên màn hình điện thoại sẽ báo hiệu sạc (vơi rồi đầy) liên tục. Nên sạc một lần cho đến khi pin đầy, không nên sạc đứt đoạn nhiều lần.

3. Khi pin đã đầy (biểu tượng pin chỉ đủ 3 vạch và không biến đổi nữa), nhấn 2 chốt hai bên đầu cắm của sạc và rút đầu cắm ra khỏi đuôi điện thoại.

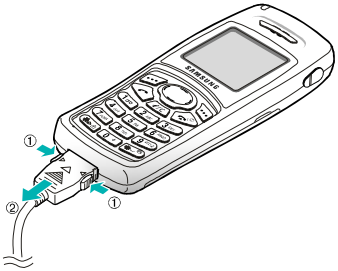

Chú ý: không được gỡ pin ra khỏi điện thoại khi sạc đang cắm vào điện thoại vì như vậy có thể làm hỏng điện thoại.

Báo hiệu pin yếu

Khi pin yếu (thời gian nói chuyện chỉ còn vài phút), điện thoại sẽ phát chuông báo hiệu trong những khoảng thời gian nhất định. Nếu pin quá yếu, điện thoại sẽ tự động tắt nguồn.

Bật và tắt điện thoại

1. Bấm và giữ phím ⏻ trong khoảng 1-2 giây để bật điện thoại.
2. Nếu điện thoại hỏi mã bảo vệ máy (Password), bạn nhập mã (mã này mặc định là 00000000 khi sản xuất) và bấm phím mềm **OK**. Để biết thêm chi tiết, xin xem trang 124.
3. Nếu điện thoại hỏi mã PIN, bạn nhập mã (mã này là mã của mỗi thẻ SIM) và bấm phím mềm **OK**. Để biết thêm chi tiết, xin xem trang 125.

Khi máy đã bật và điện thoại đã đăng ký vào mạng, màn hình hiển thị như sau:

Chú ý: Ngôn ngữ hiển thị mặc định là tiếng Anh. Để thay đổi, bạn dùng tùy chọn Ngôn ngữ (Language) được chọn trong Menu 4.5. Xin xem thêm trang 86 để biết thêm chi tiết.

4. Khi muốn tắt, bạn bấm và giữ phím ⏻ trong khoảng 1-2 giây đến khi màn hình tắt hẳn.

Chú ý: Nếu bạn khoá bàn phím, trước khi tắt, bạn phải mở khoá bằng cách bấm phím mềm **Mở khoá** (Unlock) và phím *.

Khoá và mở bàn phím

Bạn có thể khoá bàn phím để tránh bấm nhầm.

Để khoá, bấm và giữ phím trong trạng thái chờ cho đến khi màn hình hiển thị biểu tượng và thông báo **"Khoá bàn phím"** ("Keypad locked").

Khi có cuộc gọi đến, bạn có thể trả lời cuộc gọi bằng phím bất kỳ ngay cả khi khoá bàn phím. Sau khi cuộc gọi chấm dứt, điện thoại mở bàn phím trong một thời gian ngắn (tùy bạn chọn trong menu **Tự động khoá phím** (Auto Key Lock - Menu 4.2.3)) rồi lại khoá bàn phím.

Gọi cấp cứu cũng vẫn thực hiện được khi khoá bàn phím. Nhập số cấp cứu và bấm **OK** (Yes) hoặc khi máy yêu cầu xác nhận lại. Sau khi cuộc gọi chấm dứt, điện thoại mở bàn phím trong một thời gian ngắn rồi lại khoá bàn phím (như trên).

Để thoát khỏi chế độ khoá bàn phím, bạn mở khoá bằng cách bấm phím mềm **Mở khoá** (Unlock) và phím . Điện thoại hiển thị thông báo **"Mở bàn phím"** ("Keypad unlocked") và tắt biểu tượng .

Bạn có thể cài đặt khoá bàn phím tự động trong menu **Tự động khoá phím** (Auto Key Lock - Menu 4.2.3). Xem trang 85 để biết thêm chi tiết.

Các thao tác cơ bản

Thực hiện cuộc gọi

Để thực hiện cuộc gọi, trong trạng thái chờ, nhập số điện thoại cần gọi và bấm phím .

Chú ý: Nếu bạn chọn chức năng **Tự động gọi lại** (Auto Redial) trong menu **Cài đặt khác** (Extra Settings - Menu 4.8), máy sẽ tự động gọi lại 10 lần nếu số máy bạn gọi bị bận hoặc không trả lời. Xem trang 91 để biết thêm chi tiết.

Số điện thoại quốc tế

1. Bấm và giữ phím 0 + để nhập mã gọi quốc tế. Dấu + được hiển thị.
2. Nhập mã nước, mã vùng và số điện thoại rồi bấm phím .

Sửa số điện thoại đã nhập

Để sửa	Bấm
Chữ số hiển thị cuối cùng	Phím C
Chữ số khác trong số	Bấm (hoặc) đưa con trỏ (I) đến bên phải số cần sửa nhập số bỏ sót (nếu sót) hoặc bấm phím C để xoá số nhập sai rồi nhập lạichữ số cần nhập.
Xoá toàn bộ các số đã nhập	Bấm và giữ phím C trong vòng 1 vài giây.

Kết thúc cuộc gọi

Sau khi gọi xong, bạn dùng phím để kết thúc cuộc gọi

Gọi lại các số mới gọi

Điện thoại lưu các số mới gọi (đến, đi và nhỡ nếu có số gọi nhỡ) gần nhất; xin xem phần **Quản lý cuộc gọi** (Call Records) trang 74 để biết thêm chi tiết. Để gọi lại các số này:

1. Nếu đã nhập số, bấm và giữ phím để xoá sạch màn hình.
2. Bấm phím , màn hình sẽ hiển thị danh sách các số đã gọi theo thứ tự thời gian.
3. Dùng hoặc để di chuyển đến số cần xem.
4.

Để ...	**Thực hiện ...**
Gọi số đang xem	Bấm phím .
Sửa số đang xem	Bấm phím **Lựa chọn**(Options) chọn tùy chọn **Sửa đổi** (Edit) và sửa số tuỳ ý.
Xoá số đang xem	Bấm phím **Lựa chọn** (Options) chọn tùy chọn **Xoá** (Delete).
Xoá cả danh sách	Bấm phím **Lựa chọn** (Options) chọn tùy chọn **Xoá toàn bộ** (Delete All). Xem trang 75 để biết thêm chi tiết.

Gọi số đã lưu trong danh bạ

Điện thoại có chức năng danh bạ, lưu các số điện thoại thường gọi kèm theo tên người cần gọi trong bộ nhớ của thẻ SIM và điện thoại. Bạn có thể dễ dàng tra số điện thoại theo tên đã lưu, gọi người cần gọi hoặc chỉnh sửa số. Xin xem thêm chi tiết về danh bạ ở trang 31.

Thay đổi âm lượng của loa

Hai phím dùng chỉnh âm lượng trong khi đàm thoại nằm bên hông điện thoại. Dùng ▲ để tăng và ▼ để giảm âm lượng.

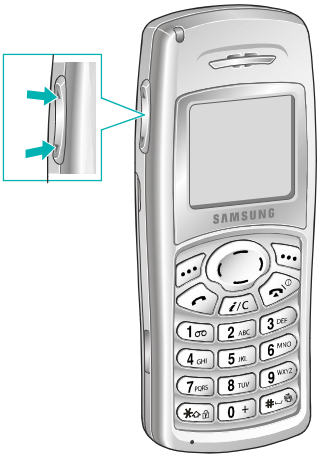

Ở trạng thái thường, hai phím này dùng để chỉnh âm lượng của âm bàn phím.

Trả lời điện thoại

Nếu có ai gọi bạn, điện thoại sẽ báo chuông và nhấp nháy biểu tượng cuộc gọi đến. Điện thoại sẽ hiển thị số điện thoại hoặc tên của người gọi nếu số này đã lưu trong danh bạ. Nếu không nhận dạng được người gọi (ví dụ trong trường hợp gọi từ nước ngoài hay người gọi "giấu số"), máy chỉ hiển thị biểu tượng điện thoại.

Chú ý: Khi chuông đang reng, bạn có thể tắt chuông (nhưng không từ chối cuộc gọi) bằng cách bấm và giữ một trong 2 phím bên hông.

1. Để nghe, bấm ↷ hoặc phím mềm **Nghe** (Accept). Nếu bạn chọn chức năng **Bấm phím trả lời** (Any-key Answer) trong menu **Cài đặt khác** (Extra Settings - Menu 4.8), bạn có thể nghe bằng bất cứ phím nào, trừ ↶\⏻ và **Từ chối** (Reject - xem trang 91).

2. Để từ chối cuộc gọi, bấm phím mềm **Từ chối** (Reject).

3. Kết thúc cuộc gọi bằng ↶\⏻.

Chú ý: Bạn vẫn có thể trả lời cuộc gọi khi ở trong chức năng Menu hoặc Danh bạ.

Xem các cuộc gọi bị nhỡ

Với các mạng có dịch vụ nhận dạng người gọi, khi có cuộc gọi đến mà bạn không trả lời, điện thoại sẽ lưu lại số điện thoại gọi đến và thời gian cuộc gọi vào mục cuộc gọi nhỡ. Trên màn hình sẽ hiển thị số cuộc gọi nhỡ.

Để xem các cuộc gọi nhỡ ngay sau khi nhỡ, thực hiện như sau:

1. Bấm phím **Xem** (View), điện thoại sẽ hiển thị số gọi nhỡ gần nhất.

2.

Để ...	**Bấm phím ...**
Di chuyển trong các số gọi nhỡ	⁀ hoặc ⁀
Gọi lại số	⁀
Sửa hoặc xoá số	mềm **Chọn** (Select - xem dưới đây)

Sửa số gọi nhỡ

Chú ý: Nếu số gọi nhỡ không xác định được, điện thoại không hiển thị tùy chọn **Sửa đổi** (Edit).

Muốn sửa số gọi nhỡ, bạn thực hiện như sau:

1. Bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options).
2. Dùng hoặc di chuyển đến **Sửa đổi** (Edit).
3. Bấm phím mềm **Chọn** (Select).
4. Sửa số tùy ý.
5.

Để ...	**Bấm phím ...**
Gọi lại số	
Lưu số	Phím mềm **Lưu** (Save) và nhập tên cùng vị trí lưu (xem trang 31 để biết thêm chi tiết).

Xoá số gọi nhỡ

Muốn xoá số gọi nhỡ, bạn thực hiện như sau:

1. Bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options)
2. Dùng phím hoặc để di chuyển đến tùy chọn **Xoá** (Delete).
3. Bấm phím mềm **Chọn** (Select).

Nếu muốn thoát khỏi menu **Cuộc gọi nhỡ** (Missed Calls), bạn có thể nhấn phím bất cứ lúc nào.

Chú ý: Ở trạng thái bình thường, bạn có thể xem các số gọi nhỡ trong menu **Cuộc gọi nhỡ** (Missed Calls - Menu 2.1). Xem trang 74 để biết thêm chi tiết.

Chuyển nhanh sang chế độ yên lặng

Trong lúc hội họp hay ở trong nhà hát, tiếng chuông điện thoại có thể làm phiền người khác. Bạn có thể tắt chuông để điện thoại chỉ báo rung khi có cuộc gọi đến bằng cách sử dụng chế độ yên lặng (Silent Mode): trong trạng thái chờ, bấm và giữ phím cho đến khi màn hình hiển thị "Chế độ yên lặng" ("Silent Mode") và biểu tượng ( ). Cài đặt âm thanh cho chế độ yên lặng như sau:

Tùy chọn	Cài đặt
Rung/chuông (Menu 3.3)	Rung
Âm bàn phím (Menu 3.4)	Tắt
Âm tin nhắn (Menu 3.5.1)	Chỉ báo đèn
Âm bật/tắt (Menu 3.6)	Tắt
Các âm khác (Menu 3.7)	Tắt

Để thoát khỏi chế độ yên lặng, bấm và giữ phím cho đến khi màn hình hiển thị "Thoát khỏi chế độ yên lặng" ("Exit Silent Mode"). Biểu tượng ( ) trên màn hình sẽ được tắt.

Chọn các chức năng và tùy chọn

Điện thoại có nhiều chức năng và tùy chọn để thoả mãn nhiều yêu cầu khác nhau của bạn. Các chức năng và tùy chọn này được sắp xếp dưới dạng menu và menu phụ, bạn dùng các phím mềm Menu Trái và Menu Phải để truy cập và thay đổi các menu và tùy chọn nêu trên. Chức năng của hai phím mềm không cố định mà thay đổi tùy theo từng trường hợp, luôn luôn được hiển thị ở dòng cuối màn hình.

Bấm Menu Trái để vào các menu

Bấm Menu phải để truy cập Danh bạ

Để truy cập các menu và tùy chọn, thực hiện như sau:

1. Bấm phím mềm cần thiết.

2. **Để ...**	**Bấm phím ...**
Chọn chức năng hay tùy chọn	mềm **Chọn** (Select) hay phím **)**.
Xem chức năng hay tùy chọn kế tiếp	hoặc phím ▼ bên hông điện thoại.
Xem chức năng hay tùy chọn trước đó	hoặc phím ▲ bên hông điện thoại.
Quay về menu trước	**(**, hoặc
Thoát mà không lưu tùy chọn	

Trong một vài chức năng, điện thoại có thể yêu cầu bạn nhập mã PIN hay khoá máy. Sau khi nhập, bạn nhấn phím mềm **OK**.

Chú ý: Khi vào một danh sách nhiều tùy chọn, điện thoại sẽ vào ngay tuỳ chọn đang có hiệu lực. Nếu danh sách chỉ có 2 tùy chọn ví dụ Bật/Tắt, điện thoại vào tùy chọn không hiệu lực để bạn có thể chọn ngay.

Danh bạ điện thoại

Bạn có thể lưu tên bạn bè, người quen cùng số điện thoại trong danh bạ điện thoại. Danh bạ được lưu trên bộ nhớ của thẻ SIM và của điện thoại (500 số). Bộ nhớ của điện thoại và SIM tuy riêng biệt nhưng được sử dụng trong danh bạ điện thoại như thể một bộ nhớ chung.

Lưu số điện thoại và tên vào danh bạ

Có 2 cách lưu số mới vào danh bạ:

- Dùng phím mềm **Lưu** (Save) trong trạng thái chờ.
- Dùng tùy chọn **Mục mới** (New Entry) trong Danh bạ.

Lưu số trong trạng thái chờ

Giả sử bạn cần lưu số 08 8211111 vào danh bạ với tên Samsung.

1. Ở trạng thái chờ, nhập 088211111.

Chú ý: Nếu nhập sai, dùng phím để xoá. Xem trang 22 để biết thêm chi tiết.

2. Khi đã nhập đúng, bấm **Lưu** (Save) để lưu.

3. Chọn một biểu tượng cho số điện thoại vừa lưu trong số 3 loại sau:

: Số di động : Số cơ quan

: Sốnhà

Dùng ❮ hoặc ❯ để chọn một loại, **Chọn** (Select) để xác nhận. Trong ví dụ trên, hãy chọn (Cơ quan).

4. Dùng ⁀ hoặc ⁀ để chọn vị trí lưu số: bộ nhớ thẻ **SIM** hay bộ nhớ **Điện thoại**, lại dùng **Chọn** (Select) để chọn.

Chú ý: Khi bạn đổi điện thoại, chỉ các số lưu trên bộ nhớ thẻ SIM là còn lại, các số lưu trong bộ nhớ điện thoại cũ không có trong điện thoại mới, phải lưu lại.

5. Nhập tên Samsung, độ dài của tên phụ thuộc vào thẻ SIM. Xin xem thêm trang 42 để biết thêm về cách nhập chữ.

   Điện thoại hiển thị vị trí còn trống đầu tiên trong bộ nhớ bạn chọn, nếu không còn vị trí nào trống, vị trí trống đầu tiên trong bộ nhớ kia được hiển thị.

6. Nếu không muốn lưu vào vị trí điện thoại đề nghị, dùng phím C để xoá và nhập vị trí bạn muốn bằng các phím số.

7. Bấm phím mềm **OK** để lưu. Điện thoại hiển thị số bạn vừa lưu trong danh bạ.

8. **Để ...**	**Bấm phím ...**
Sử dụng số	mềm **Lựa chọn** (Options)
Quay về trạng thái chờ	⏻

Lưu số sử dụng chức năng Danh bạ

Giả sử bạn cần lưu số 08 8211111 vào danh bạ với tên Samsung.

1. Trong trạng thái chờ bấm phím mềm **Danh bạ** (Name)
2. Di chuyển đến **Mục mới** (New Entry) bằng ⁀ hoặc ⁀, dùng **Chọn** (Select) để chọn.
3. Chọn biểu trưng cho số trong các biểu trưng (di động), (cơ quan), (nhà) và (E-mail). Biểu tượng E-mail cho phép bạn lưu địa chỉ E-mail thay cho số.
4. Dùng ⁀ hoặc ⁀ để chọn vị trí lưu số: bộ nhớ thẻ **SIM** hay bô nhớ **Điện thoại**, lại dùng **Chọn** (Select) để chọn.
5. Nhập tên Samsung, độ dài của tên phụ thuộc vào thẻ SIM. Xin xem thêm trang 42 để biết thêm về cách nhập chữ.
6. Nhập số hoặc địa chỉ E-mail và bấm phím mềm **Lưu** (Save)
7. Nếu không muốn lưu vào vị trí điện thoại để nghị, dùng phím để xoá và nhập vị trí bạn muốn bằng các phím số.
8. Bấm phím mềm **OK** để lưu. Điện thoại hiển thị số bạn vừa lưu trong danh bạ.

9. **Để ...**	**Bấm phím ...**
Sử dụng số	mềm **Lựa chọn** (Options)
Quay về trạng thái chờ	

Các tùy chọn của Danh bạ điện thoại

Khi lưu hay xem các số điện thoại trong danh bạ, bấm phím **Lựa chọn** (Options) để sự dụng các chức năng như sau:

Để ...	**Bấm phím ...**
Chọn tùy chọn	mềm **Chọn** (Select) hoặc)
Di chuyển đến tùy chọn khác	‿ hoặc ‿ để di chuyển đến tùy chọn bạn muốn

Bạn có các tùy chọn như sau:

- **Xem số** (Paste) Cho phép bạn dán số điện thoại đã lưu lên màn hình để gọi hay sửa đổi. Bạn có thể dùng cách này để gọi một số điện thoại gần giống (ví dụ các số cùng công ty thường chỉ khác nhau chữ số cuối). Dùng C để sửa số (xem trang 22 để biết thêm chi tiết), ‿ để gọi khi đã sửa xong.
- **Sửa đổi** (Edit) Cho phép bạn sửa đổi số điện thoại và tên đã lưu. Một tên có thể có nhiều số (nhà, di động ...), vì vậy bạn chọn tùy chọn **Một mục** (One Entry) để sửa tên và một trong các số (nếu sửa tên, số này sẽ được tách thành 1 mục riêng), hoặc **Tất cả các mục** (All Entry) để thay đổi tên cho các số.
- **Xoá bỏ** (Erase) Xoá bỏ số tên và các số điện thoại đã lưu dưới tên ấy. Điện thoại sẽ yêu cầu bạn xác nhận việc xóa bằng phím mềm **OK**.

- **Chép** (Copy) Sao chép số điện thoại sang vị trí lưu khác. Bạn có thể dùng tính năng này để chép các số từ bộ nhớ thẻ SIM qua bộ nhớ điện thoại hay ngược lại.
- **Nhóm người gọi** (Caller Group) Cho phép bạn xếp số vào một trong các nhóm định sẵn (ví dụ gia đình, công ty, ...) để điện thoại báo bằng chuông riêng khi người trong nhóm gọi. Điện thoại có sẵn 10 nhóm, nếu bạn không muốn xếp số vào nhóm, chọn tùy chọn **Không tham gia** (No Group). Xem trang 37 để biết thêm chi tiết về Nhóm người gọi.
- **Thêm số** (Add Entry) Cho phép bạn thêm số cho tên đã lưu, xếp vào loại số nhà, di động, cơ quan hay E-mail. Mỗi tên có thể có số trong 4 loại này, mỗi loại 1 số.

Tìm và gọi một số trong danh bạ

Sau khi lưu số trong danh bạ, bạn có thể tìm theo tên và theo số.

Tìm số theo tên

Giả sử bạn phải tìm và gọi số điện thoại của Samsung đã lưu ở phần trước. Thực hiện như sau:

1. Khi điện thoại ở trạng thái chờ, bấm **Danh bạ** (Name) để vào Danh bạ.
2. Di chuyển đến **Tìm kiếm** (Search) nếu cần và bấm phím **Chọn** (Select). Máy sẽ yêu cầu bạn nhập tên.
3. Nhập S (phím 7pqrs 4 lần). Điện thoại sẽ hiển thị các tên bắt đầu bằng S.

4. Để ...	Bấm phím ...
Xem số	mềm **Xem** (View)
Di chuyển đến số khác	⌒ hoặc ⌣ để di chuyển đến số cần tìm.
Tìm tên bắt đầu bằng vần khác	⌫ để xóa chữ cái đã nhập và nhập chữ tương ứng.

5. Khi đã đến số cần tìm, bấm phím ⌒ để gọi, hoặc **Lựa chọn** (Options) để xem các tuỳ chọn của Danh bạ (xem trang 34).

Tìm số theo Nhóm người gọi

Giả sử biết Samsung được lưu trong nhóm "Cơ quan", muốn tìm Samsung theo nhóm, bạn thực hiện như sau:

1. Khi điện thoại ở trạng thái chờ, bấm **Danh bạ** (Name) để vào Danh bạ.
2. Di chuyển đến **Tìm nhóm** (Group Search) bằng các phím ⌒ hoặc ⌣, dùng **Chọn** (Select) để chọn.
3. Nhập **C** (hoặc một vài chữ cái đầu) của tên nhóm. Điện thoại hiển thị các nhóm bắt đầu bằng C.
4. Di chuyển đến nhóm "Cơ quan" bằng ⌒ hoặc ⌣, sau đó bấm **Xem** (View). Màn hình hiển thị những người trong nhóm "Cơ quan"

5. **Để ...**	**Bấm phím ...**
Xem số	mềm **Xem** (View)
Di chuyển đến số khác	⁀ hoặc ⁔ để di chuyển đến số cần tìm.

6. Khi đã đến số cần tìm, bấm phím ✆ để gọi, hoặc **Lựa chọn** (Options) để xem các tuỳ chọn của Danh bạ (xem trang 34).

Sửa nhóm người gọi

1. Khi điện thoại ở trạng thái chờ, bấm **Danh bạ** (Name) để vào Danh bạ.
2. Di chuyển đến **Sửa nhóm** (Group Edit) bằng các phím ⁀ hoặc ⁔, dùng **Chọn** (Select) để chọn.
3. Di chuyển đến nhóm muốn sửa bằng ⁀ hoặc ⁔.
4. Khi đã đến nhóm cần sửa, bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options).
5. Sửa các tùy chọn cho nhóm theo ý bạn. Bạn có thể sửa các tuỳ chọn sau:

Kiểu chuông (Call ring tone): chọn chuông báo khi có cuộc gọi từ người trong nhóm này.

Âm tin nhắn (SMS tone): chọn âm báo tin nhắn khi có tin nhắn đến từ nhóm này.

Biểu tượng nhóm (Graphic): chọn biểu tượng màn hình hiển thị khi có cuộc gọi từ người trong nhóm này.

Tên nhóm (Group Name): cho phép bạn sửa tên nhóm. Xem trang 42 để biết cách nhập chữ.

6. Khi đã hoàn tất, bấm C hoặc ⏻ để thoát.

Gọi nhanh

Một khi đã lưu số trong bộ nhớ thẻ SIM, bạn có thể chọn 8 số tương ứng với các phím từ 2 đến 9 làm số gọi nhanh và gọi nhanh bằng cách bấm và giữ phím số tương ứng.

Cài đặt

Giả sử bạn muốn lưu số điện thoại "Công ty" làm số gọi nhanh tương ứng với phím 7, thực hiện như sau:

1. Khi điện thoại ở trạng thái chờ, bấm **Danh bạ** (Name) để vào Danh bạ.
2. Di chuyển đến **Gọi nhanh** (Speed Dial) bằng các phím ⌒ hoặc ⌣, dùng **Chọn** (Select) để chọn.
3. Chọn vị trí số 7 (chỉ được chọn từ 2 đến 9) và bấm phím mềm **OK**.

Chú ý: Nếu bạn đã lưu số gọi nhanh cho phím, phím menu trái sẽ trở thành **Lựa chọn** (Options) thay cho **OK**. Bạn hãy qua bước 6.

4. Chọn “Công ty” trong Danh bạ và bấm phím mềm **Xem** (View).
5. Nếu dưới tên “Công ty” có nhiều số đã lưu, chọn một số trong đó bằng các phím ⁀ hoặc ⁀ và **Chọn** (Select).
6. Khi đã lưu số gọi nhanh cho phím, bạn có các tùy chọn sau khi bấm phím **Lựa chọn** (Options).

Thay đổi (Change): chọn phím khác cho số gọi nhanh.

Xoá bỏ (Delete): Xoá số gọi nhanh cho phím, như vậy phím có thể được chọn cho số khác.

Xoá toàn bộ (Delete All): Xoá tất cả các số gọi nhanh, tất cả các phím trở nên tự do.

Số (Number): Xem số gọi nhanh.

7. Khi đã hoàn tất, bấm C hoặc ⏻ để thoát.

Thực hiện gọi

Giả sử bạn đã lưu số công ty thành số gọi nhanh ở vị trí số 7, bạn chỉ cần bấm và giữ phím 7 để gọi cho công ty.

Chú ý: Vị trí số 1 được dành cho hộp thư thoại.

Xoá danh bạ

Bạn có thể xoá tất cả các số trong Danh bạ (lưu trên bộ nhớ của thẻ SIM cũng như của điện thoại) cùng một lúc. Khi xoá rồi thì không thể khôi phục lại, vì vậy điện thoại yêu cầu bạn xác nhận nhiều lần.

1. Khi điện thoại ở trạng thái chờ, bấm **Danh bạ** (Name) để vào Danh bạ.
2. Di chuyển đến **Xoá toàn bộ** (Delete All) bằng các phím ⁀ hoặc ⁀, dùng **Chọn** (Select) để chọn.
3. Điện thoại hiển thị 3 tùy chọn: Tất cả, SIM và Điện thoại.

Để ...	**Bấm phím ...**
Chọn bộ nhớ cần xoá	**Đánh dấu** (Mark)
Không chọn nữa	**Bỏ đánh dấu** (Unmark)
Xóa các số trong các bộ nhớ đã đánh dấu	**Xóa** (Delete)

4. Nhập mã bảo vệ và bấm phím **OK** để xoá.

Chú ý: Mã bảo vệ là 00000000 khi sản xuất. Để đổi mã, xin xem trang 88.

5. Khi điện thoại yêu cầu xác nhận, bấm phím **OK** (Yes).
6. Khi đã hoàn tất, bấm C hoặc ⏻ để thoát.

Kiểm tra thông tin bộ nhớ

Bạn có thể kiểm tra xem bộ nhớ thẻ SIM và điện thoại đã lưu bao nhiêu số, cũng như còn bao nhiêu vị trí trống. Cách làm:

1. Khi điện thoại ở trạng thái chờ, bấm **Danh bạ** (Name) để vào Danh bạ.
2. Di chuyển đến **Thông tin bộ nhớ** (Memory Status) bằng các phím ⁀ hoặc ⁀, dùng **Chọn** (Select) để chọn.
3. Dùng các phím ⁀ hoặc ⁀ để xem số lượng số đã lưu trong từng bộ nhớ và dung lượng của từng bộ nhớ.
4. Khi đã hoàn tất, bấm C hoặc ⏻ để thoát.

Nhập chữ

Việc nhập chữ cần thiết trong khá nhiều trường hợp, ví dụ khi lưu tên trong danh bạ điện thoại hoặc nhắn tin. Bạn có các chế độ nhập như sau:

- **Tiên đoán (T9)**

Nhập chữ theo kiểu nhập nhanh, dùng cho tiếng Anh, Pháp, … . Điện thoại sẽ dùng một từ điển có sẵn trong máy thử đoán từ bạn muốn nhập. Trái với cách nhập chữ thông thường (ví dụ nhấn phím 5 hai lần để nhập chữ K), máy có thể hiển thị J, K, L chỉ với một lần nhấn phím , tùy theo các chữ cái mà bạn nhập trước và sau. Nếu dùng quen, bạn cần ít lần bấm phím hơn so với cách nhập chữ thông thường.

- **Chữ hoa/Chữ thường**

Cách nhập chữ bình thường, dùng để nhập chữ viết thường, chữ in, số hay lẫn lộn. Bạn nhấn phím một hay nhiều lần liên tiếp nhau để nhập ký tự cần thiết, ví dụ nhấn phím 5 hai lần để nhập chữ K, ba lần để nhập chữ L.

- **Nhập ký tự đặc biệt (Symbol)**

  Dùng để nhập các ký tự đặc biệt, như & $ @ # ?.

- **Nhập số (Number)**

  Dùng để nhập số.

Thay đổi chế độ nhập

Khi cần phải nhập chữ, màn hình sẽ hiển thị chế độ nhập ở giữa hàng trên cùng. Ví dụ khi đang viết tin nhắn, màn hình hiển thị như sau:

Biểu tượng chế độ nhập

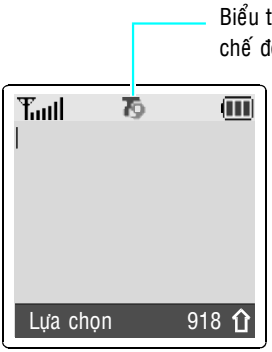

Để chọn chế độ ...	Bấm phím mềm ⇧ đến khi màn hình hiển thị ...
Tiên đoán (T9)	(xem trang 44)
Chữ hoa	(xem trang 46)
Chữ thường	(xem trang 46)
Ký tự đặc biệt	(xem trang 47)
Số	(xem trang 47)

Nhập chữ tiên đoán (T9)

Đây là cách nhập nhanh dùng cho tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác, bạn chỉ bấm phím 1 lần cho mỗi ký tự, điện thoại sẽ dùng từ điển có sẵn trong máy đoán từ bạn muốn nhập.

1. Sau khi dùng cách nhập tiên đoán, chỉ bấm mỗi phím từ 2 đến 9 1 lần cho mỗi ký tự.

   Ví dụ: để nhập từ Hello, bạn chỉ cần bấm chuỗi 5 phím 4, 3, 5, 5 và 6 đại diện cho 5 ký tự của từ hello, mỗi phím 1 lần. Từ cần nhập sẽ hiển thị sau khi nhập. Từ này có thể thay đổi mỗi lần bấm phím.

2. Nhập đến ký tự cuối cùng trước khi sửa hoặc xoá.

3. Nếu từ hiển thị là từ bạn muốn nhập, nhập từ tiếp theo. Nếu không, bạn dùng phím 0, hoặc để di chuyển tới từ kế.

   Ví dụ: cả "of' và "me" đều dùng 6 và 3 để nhập. Điện thoại hiển thị từ thường gặp nhất trước.

4. Kết thúc mỗi từ bằng một khoảng trắng (phím *)

- Với các từ không có trong từ điển, bạn phải dùng chế độ nhập chữ hoa hoặc chữ thường

- Trong cách nhập chữ tiên đoán, máy tự động bỏ dấu chấm phẩy theo các qui tắc ngữ pháp soạn sẵn. Bạn dùng phím 1 để nhập dấu chấm phẩy.

  Ví dụ:

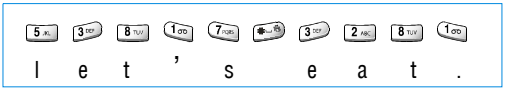

Chú ý rằng bạn dùng phím 1 2 lần trong ví dụ trên.

- Bạn dùng phím * để chuyển từ viết hoa sang viết thường và ngược lại. Có 2 trạng thái hoa/thường:

  : Viết thường

  : Viết hoa

- Bạn di chuyển bằng các phím (và). Để xoá, dùng phím C. Nếu bạn bấm và giữ C, bạn sẽ xoá cả màn hình.

Nhập chữ hoa/chữ thường

Chế độ nhập này cho phép bạn nhập ký tự in, thường và số lẫn lộn. Dùng các phìm 1 đến 0 +.

1. Bạn bấm phím

- một lần cho ký tự đầu tiên
- hai lần liền cho ký tự thứ 2
- vv.

Ví dụ để nhập chữ C, bạn cần ấn phím 2 ABC 3 lần liền. Để nhập chữ K, bạn bấm phím 5 JKL 2 lần liền.

2. Tương tự cho nhập các ký tự khác.

Chú ý: Con trỏ di chuyển sang phải mỗi khi bạn nhấn 1 phím khác. Nếu phải nhập 2 ký tự dùng cùng 1 phím, đợi vài giây để chuyển con trỏ sang phải và nhập tiếp ký tự sau.

phím	Thứ tự xuất hiện	
	Viết hoa	Viết thường
1	Khoảng trắng . 1 ! ? & ¡ ¿ §	. % @ _ £ $ ¥ ¤ §
2	A B C 2 Ä Å Æ Ç Γ	a b c 2 à ä å æ Γ
3	D E F 3 É Δ Φ	d e f 3 è é Φ
4	G H I 4 Θ Ψ	g h i 4 ì Ψ
5	J K L 5 Λ	j k l 5 Λ
6	M N O 6 Ñ Ø Ö ö	m n o 6 ñ ø ò ö
7	P Q R S 7 Π Σ Ξ	p q r s 7 ß Σ Ξ
8	T U V 8 Ü ü	t u v 8 ù ü
9	W X Y Z 9 Ω	w x y z 9 Ω
0	0 * # , ; ‘ “ =	/ : - + ( ) < >

- Muốn nhập khoảng trắng, bạn dùng phím 1.
- Bạn di chuyển bằng các phím ❨ và ❩. Để xoá, dùng phím C. Nếu bạn bấm và giữ C, bạn sẽ xoá cả màn hình.

Nhập ký tự đặc biệt

Trong cách nhập này, bạn có thể chèn các ký tự đặc biệt vào tin nhắn.

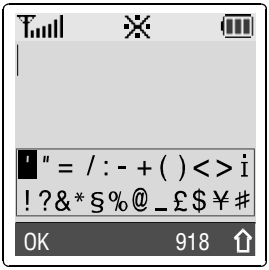

Bạn dùng các phím di chuyển để di chuyển đến các ký tự này và dùng phím **OK** để chọn ký tự mình cần.

Nhập số

Trong cách nhập này, bạn có thể nhập số trong tin nhắn (ví dụ như số điện thoại). Bạn nhập số dùng phím tương ứng, ví dụ 35 nhập bằng 3 5. Khi nhập số xong, bạn lại quay về cách nhập chữ cần thiết.

Các tùy chọn trong lúc đàm thoại

Trong lúc nói điện thoại, bạn vẫn có thể dùng một số chức năng như sau:

Giữ cuộc gọi

Đây là chức năng tùy thuộc mạng, cho phép bạn có thể tạm thời "treo" cuộc gọi hiện thời để nhận hoặc thực hiện cuộc gọi thứ hai song song. Bạn có thể chuyển qua lại giữa hai cuộc gọi này.

Ví dụ khi bạn đang đàm thoại và muốn gọi thêm cho người khác, bạn tạm "treo" cuộc gọi hiện thời bằng cách nhấn phím mềm **Giữ** (Hold), sau đó tiến hành cuộc gọi mới như bình thường. Khi bạn đang giữ một cuộc gọi và thực hiện cuộc gọi thứ hai, bạn có thể quay trở lại cuộc gọi ban đầu bằng phím mềm **Khôi phục** (Unhold).

Ngoài cách "treo" như trên, khi đang nói chuyện và muốn thực hiện cuộc gọi thứ hai, bạn cũng có thể thực hiện như sau:

1. Nhập số của cuộc gọi thứ hai.
2. Nhấn phím . Cuộc gọi thứ nhất tự động được "treo".

Cũng có thể làm như sau:

1. Khi đang đàm thoại, bấm phím mềm **Giữ** (Hold)
2. Gọi cuộc thứ hai như bình thường.

Để chuyển qua lại giữa hai cuộc gọi, bạn dùng phím mềm **Cuộc kia** (Swap). Cuộc gọi đang "treo" sẽ được nối lại, còn cuộc gọi đang thực hiện sẽ bị treo.

Sau khi thực hiện xong từng cuộc gọi, bạn kết thúc bằng phím ⏻ như bình thường.

Tạm thời tắt microphone

Để trao đổi riêng mà người phía bên kia đầu dây không nghe thấy.

Ví dụ: để trao đổi riêng với người bên cạnh bạn, không cho người bên kia đầu dây nghe.

1. Bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options)
2. Dùng phím ⌒ hoặc ⌣ để di chuyển đến tùy chọn **Tắt tiếng** (Mute).
3. Nhấn **OK**.

Người đàm thoại phía bên kia sẽ không còn nghe được bạn nữa.

Để bật lại **microphone** (Unmute)bạn làm giống như trên, nhưng trong bước 2 chọn **Bật tiếng** (Unmute).

1. Bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options)
2. Dùng phím ⌒ hoặc ⌣ để di chuyển đến tùy chọn **Bật tiếng** (Unmute).
3. Nhấn **OK**.

Người đàm thoại phía bên kia sẽ nghe những gì bạn nói.

Bật/tắt âm bàn phím

Tùy chọn này cho phép bạn bật hay tắt âm bàn phím. Nếu chọn **Tắt âm bàn phím** (Mute keys), điện thoại sẽ không phát ra âm khi bạn bấm phím để đỡ làm phiền khi gọi.

Chú ý: Âm bàn phím cần thiết trong các trường hợp trả lời tự động, ví dụ khi bạn bấm phím để nạp tiền vào thẻ SIM hay nhập số tài khoản cho các hệ thống ngân hàng từ xa. Bạn phải truyền âm bàn phím đi (Bật âm bàn phím - Send keys) thì hệ thống trả lời tự động mới nhận biết được và có câu trả lời tương ứng.

Gửi âm DTMF

Bạn có thể gửi âm bàn phím trong khi đang gọi điện thoại. Việc này cần thiết khi sử dụng dịch vụ tự động, ví dụ để nhập số tài khoản trong dịch vụ ngân hàng qua điện thoại (phone banking).

Thực hiện như sau:

1. Khi đang kết nối với dịch vụ tự động, bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options).
2. Dùng phím ⌣ để di chuyển đến tùy chọn **Gửi DTMF** (Send DTMF).
3. Nhấn **OK**.
4. Nhập số bạn muốn và bấm phím mềm **OK** để gửi. Điện thoại sẽ gửi âm của số.

Chú ý: bạn cũng có thể tìm số trong danh bạ bằng cách bấm phím mềm **Danh bạ** (Name). Xem trang 31 để biết thêm các chức năng về Danh bạ điện thoại.

Tìm số điện thoại trong danh bạ

Khi đang đàm thoại, bạn vẫn có thể tìm số điện thoại trong danh bạ:

1. Bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options).
2. Dùng phím ⌣ để di chuyển đến tùy chọn **Danh bạ** (Phonebook).
3. Nhấn **OK**. Điện thoại hiển thị các số trong danh bạ.
4. Nhập chữ cái đầu tiên của tên bạn muốn tìm. Điện thoại sẽ hiển thị các tên trong danh bạ bắt đầu bằng chữ cái bạn vừa nhập.
5. Dùng ⌢ hoặc ⌣ để di chuyển đến tên số cần tìm. Để xem số điện thoại, bấm phím **Xem** (View).

Xin xem trang 31 để biết thêm chi tiết về Danh bạ điện thoại.

Chức năng tin nhắn

Nếu bạn nhận được tin nhắn trong lúc đang đàm thoại, biểu tượng ✉ sẽ nhấp nháy trên màn hình. Bạn có thể đọc tin nhắn trong khi đàm thoại, sử dụng tùy chọn **Dịch vụ SMS** (SMS Service) . Xin xem thêm trang 62 để biết thêm chi tiết.

Trả lời cuộc gọi thứ hai:

Chức năng **Giữ cuộc gọi** (Call Waiting) cho phép bạn nhận được các cuộc gọi khác ngay trong lúc đang đàm thoại nếu mạng của bạn cung cấp dịch vụ này. Điều này có nghĩa là bạn có thể cùng lúc đàm thoại với nhiều cuộc gọi khác nhau. Bạn phải bật chức năng này trong Menu **Giữ cuộc gọi** (Call Waiting - Menu 6.3, trang 107)

Sau khi bạn đã bật chế độ giữ cuộc gọi: Khi đang đàm thoại với A mà B gọi đến, điện thoại sẽ báo bằng các tiếng "bíp bíp", đồng thời hiển thị tên hoặc số điện thoại của B lên màn hình.

1. Bấm ✆ để nói chuyện với B và để A chờ.
2. Bấm phím **Cuộc kia** (Swap) để quay lại nói chuyện với A (B chờ). Bạn có thể chuyển nhiều lần cho đến khi kết thúc.

Nếu bạn muốn kết thúc cuộc gọi đang chờ, nhấn phím mềm **Lựa chọn** (Options) và chọn tùy chọn **Kết thúc cuộc chờ** (End Held Call).

3. Kết thúc cuộc gọi bằng ⏻.

Cuộc gọi hội nghị

Cuộc gọi hội nghị là dịch vụ mạng, cho phép nhiều nhất là sáu người có thể tham gia cùng một cuộc gọi (gọi là multiparty call hoặc conference call). Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ nhà cung cấp mạng (Mobifone hoặc

Vinaphone).

Cách thực hiện

1. Gọi người thứ nhất (A) như bình thường.
2. Gọi người thứ hai (B) như bình thường. Cuộc gọi với A tự động được "treo".
3. Để cho A tham gia vào cuộc gọi giữa bạn và B, trong lúc nói chuyện với B, bạn nhấn phím mềm **Lựa chọn** (Options) và tùy chọn **Kết nối** (Join). Lúc này mỗi khi bạn nói, A và B đều nghe và ngược lại. Cuộc gọi ba bên đã được thực hiện.
4. Bạn có thể cho người mới (C) tham gia bằng cách gọi C như bình thường, rồi lại nhấn phím mềm **Lựa chọn** (Options) và tùy chọn **Kết nối** (Join).
5. Nếu người khác (D) gọi đến bạn, bạn vẫn có thể cho tham gia cuộc gọi nhiều bên bằng cách nhấn phím mềm **Lựa chọn** (Options) và tùy chọn **Kết nối** (Join).

Nói chuyện riêng với một người trong lúc tham gia cuộc gọi hội nghị

1. Nhấn phím mềm **Lựa chọn** (Options) và tùy chọn **Chọn số** (Select one). Màn hình sẽ hiển thị danh sách những người tham gia cuộc gọi hội nghị.
2. Di chuyển bằng ⁀ hoặc ⁔ đến người muốn nói chuyện riêng (E), dùng ◜ để chọn.
3. Chọn tùy chọn **Riêng tư** (Private). Bạn sẽ có thể nói chuyện riêng với E, trong lúc những người khác vẫn nói chuyện với nhau và không nghe những gì bạn và

E nói.

4. Để tham gia lại cuộc gọi hội nghị, bạn lại nhấn phím mềm **Lựa chọn** (Options) và tùy chọn **Kết nối** (Join). Lúc này, mọi người đều nghe được những gì người khác nói.

Loại một người khỏi cuộc gọi hội nghị

1. Nhấn phím mềm **Lựa chọn** (Options) và tùy chọn **Chọn số** (Select one). Màn hình sẽ hiển thị danh sách những người tham gia cuộc gọi hội nghị.
2. Di chuyển bằng ⁀ hoặc ⁀ đến người cần loại (F), dùng ⁀ để chọn.
3. Chọn tùy chọn **Hủy bỏ** (Remove). F sẽ bị loại ra khỏi cuộc gọi hội nghị, trong lúc bạn và những người khác vẫn nói chuyện với nhau bình thường.
4. Kết thúc cuộc gọi hội nghị bằng ⁀\⏻.

Sử dụng Menu

Điện thoại có nhiều chức năng để đáp ứng các nhu cầu của người sử dụng. Chi tiết các menu của điện thoại sẽ được trình bày ở phần Sơ đồ Chức năng kế tiếp. Trong mục này, chúng tôi sẽ hướng dẫn các bạn cách thức truy cập chung cho các tính năng: di chuyển lần lượt và di chuyển nhanh.

Di chuyển lần lượt đến Menu

Dùng các phím (,), hoặc để di chuyển. Ví dụ để chọn ngôn ngữ hiển thị cho điện thoại:

1. Ở trạng thái chờ bình thường, bấm phím mềm **Menu** để truy cập menu gốc.
2. Dùng phím hoặc để đi xuống chức năng **Cài đặt điện thoại** (Phone Settings). Bấm **Chọn** (Select) hoặc) để chọn.
3. Dùng phím hoặc để đi xuống chức năng **Ngôn ngữ** (Language). Bấm **Chọn** (Select) để chọn.

Nếu menu bạn chọn vẫn còn các menu phụ, thực hiện tương tự như trên.

4. **Để ...**	**Bấm phím ...**
Di chuyển trong các menu	hoặc , hoặc hai phím ▲,▼ bên hông điện thoại
Chọn menu hoặc tùy chọn	**Chọn** (Select) hoặc)
Quay về menu trước đó	hoặc (
Thoát ra khỏi các menu về trạng thái chờ	

Di chuyển nhanh

Mỗi menu hoặc tùy chọn đều có một tổ hợp phím nóng, được hiển thị ở góc phải phía dưới màn hình, cạnh biểu tượng phím mềm . Để truy cập nhanh, bạn chỉ cần bấm phím Menu và tổ hợp phím nóng.

Chú ý: Danh sách phím nóng được thể hiện trong Sơ đồ chức năng ở trang 57. Danh sách này có thể khác với điện thoại của bạn, tùy dịch vụ của thẻ SIM.

Ví dụ: để chọn ngôn ngữ hiển thị cho điện thoại:

1. Bấm phím Menu.
2. Bấm phím 4, tương ứng với **Cài đặt điện thoại** (Phone Settings).
3. Bấm phím 5, tương ứng với **Ngôn ngữ** (Language).

Điện thoại sẽ hiển thị các ngôn ngữ có sẵn trong máy.

Sơ đồ chức năng

Danh sách này bao gồm cấu trúc các menu, kèm theo số của menu và menu phụ, cũng như số trang của các menu trong sách này.

Chú ý: Nếu bạn sử dụng một thẻ SIM AT (Application Toolkit) có thêm nhiều chức năng, menu **SIM AT** được hiển thị đầu tiên, khi bạn bấm phím **Menu**. Xem hướng dẫn sử dụng thẻ SIM của bạn để biết thêm chi tiết.

Sơ đồ chức năng

1. Tin nhắn (Messages - trang 62)
- 1.1 Hộp thư đến (Inbox)
- 1.2 Hộp thư đi (Outbox)
- 1.3 Viết tin mới (Write New)
- 1.4 Khuôn mẫu (Templates)
- 1.5 Cài đặt (Setup)
  - 1.5.1 Cài đặt 1 (Setting 1)*
  - 1.5.2 Cài đặt 2 (Setting 2)*
  - 1.5.3 Cài đặt chung (Common Setting)*
- 1.6 Xoá toàn bộ (Delete All)
- 1.7 Kho chuông/ảnh động
  - 1.7.1 Chuông tự cài (My melody)
  - 1.7.2 Hình tự cài (My Picture)
  - 1.7.3 Ảnh động tự cài (Channel list)
  - 1.7.4 Xoá toàn bộ (Delete All)
- 1.8 Thông tin bộ nhớ (Memory Status)
  - 1.8.1 Bộ nhớ thẻ SIM (SIM Memory)
  - 1.8.2 Bộ nhớ điện thoại (Phone Memory)
  - 1.8.3 Bộ nhớ CB (CB Memory)
- 1.9 Hộp thư thoại (Voice Mail)
  - 1.9.1 Kết nối hộp thư (Connect to Voice Server)
  - 1.9.2 Số hộp thư thoại (Voice Service Number)
- 1.10 Bản tin (Broadcast)
  - 1.10.1 Đọc tin (Read)
  - 1.10.2 Nhận tin (Receive)
  - 1.10.3 Danh mục kênh (Channel list)
  - 1.10.4 Ngôn ngữ (Language)

2. Quản lý cuộc gọi (Call Records - trang 74)
- 2.1 Cuộc gọi nhỡ (Missed calls)
- 2.2 Các số đã nhận (Received calls)
- 2.3 Các số đã gọi (Dialed calls)
- 2.4 Xoá toàn bộ (Delete All)

** Tính năng tùy thuộc thẻ SIM và mạng.*

2.5 Thời gian gọi (Call Time)
- 2.5.1 Cuộc gọi cuối (Last Call Time)
- 2.5.2 Thời gian gọi đi (Total Sent)
- 2.5.3 Thời gian gọi đến (Total Received)
- 2.5.4 Xoá đồng hồ (Reset Timers)

2.6 Cước phí gọi (Call cost)
- 2.6.1 Cuộc gọi cuối (Last Call cost)
- 2.6.2 Tổng cước phí (Total cost)
- 2.6.3 Giới hạn cước (Max Cost)
- 2.6.4 Xoá bộ đếm cước (Reset Counters)
- 2.6.5 Đặt giới hạn (Set Max Cost)
- 2.6.6 Giá/Đơn vị (Price/Unit)

3 Cài đặt âm thanh (Tones trang 78)

3.1 Kiểu chuông (Ring tone)

3.2 Âm lượng chuông (Ring Volume)

3.3 Rung/chuông (Alert Type)
- 3.3.1 Chỉ báo đèn (Light Only)
- 3.3.2 Chuông (Melody)
- 3.3.3 Rung (Vibration)
- 3.3.4 Rung & chuông (Vibra + Melody)

3.4 Âm bàn phím (Keypad Tone)
- 3.4.1 Tắt (Off)
- 3.4.2 Cool
- 3.4.3 Piano
- 3.4.4 Tone
- 3.4.5 Bíp (Beep)

3.5 Báo tin nhắn (Message Tone)
- 3.5.1 Âm tin nhắn (SMS Tone)
- 3.5.2 Âm SMS-CB (SMS-CB Tone)

3.6 Âm bật/tắt (Power On/Off)
- 3.6.1 Tắt (Off)
- 3.6.2 Cổ điển (Classical)
- 3.6.3 Vui nhộn (Cheerful)

3.7 Các âm khác (Extra Tones)
- 3.7.1 Báo lỗi (Error Tone)

3.7.2 Báo mỗi phút (Minute Minder)
3.7.3 Báo kết nối (Connect Tone)

4 Cài đặt điện thoại (Settings - trang 83)
4.1 Chế độ hồng ngoại (Infrared Activate)
4.2 Cài đặt riêng (My Settings)
4.2.1 Màn hình nền (Wall Paper)
4.2.2 Kiểu menu (Menu Style)
4.2.3 Tự động khoá phím (Auto Key Lock)
4.3 Lời chào (Greeting Message)
4.4 Số của bạn (Own number)*
4.4.1 Số thứ nhất (Number 1)
4.4.2 Số thứ hai (Number 2)
4.4.3 Số thứ 3 (Number 3)
4.5 Ngôn ngữ (Language)
4.6 Khoá máy (Security)
4.6.1 Hỏi mã PIN (PIN Check)
4.6.2 Đổi mã PIN (Change PIN)
4.6.3 Khoá máy (Phone Lock)
4.6.4 Đổi mật mã (Change Password)
4.6.5 Khoá máy vào SIM (SIM Lock)
4.6.6 Chế độ FDN (FDN Mode)*
4.6.7 Đổi mã PIN2 (Change PIN2)*
4.7 Cài đặt màn hình (Display Settings)
4.7.1 Độ sáng (Brightness)
4.7.2 Đèn màn hình (Back Light)
4.7.3 Đèn báo sóng (Service Light)
4.7.4 Logo đồ hoạ (Graphic Logo)
4.8 Cài đặt khác (Extra Settings)
4.8.1 Tự động gọi lại (Auto Redial)
4.8.2 Bấm phím trả lời (Any key Answer)
4.9 Phím nóng (Short Cut)
4.9.1 Phím lên (Key Up)
4.9.2 Phím xuống (Key Down)
4.9.3 Phím phải (Key Right)
4.9.4 Phím trái (Key Left)

** Tính năng tùy thuộc thẻ SIM và mạng.*

4.10 Xoá mọi cài đặt (Reset Settings)

5 Tiện ích (Organiser - trang 93)

5.1 Lịch năm (Calendar)
5.2 Việc cần làm (To Do List)
5.3 Thời gian (Time & Date)
- 5.3.1 Cài đặt giờ (Set Time)
- 5.3.2 Cài đặt ngày (Set Date)
- 5.3.3 Giờ quốc tế (World Time)
- 5.3.4 Dạng thức (Time Format)

5.4 Báo thức (Alarm)
- 5.4.1 Báo một lần (Once Alarm)
- 5.4.2 Báo hàng ngày (Daily Alarm)
- 5.4.3 Báo thức sáng (Morning Call)
- 5.4.4 Xoá báo thức (Alarm tone)
- 5.4.5 Tự bật nguồn (Autopower)

5.5 Máy tính (Calculator)
5.8 Đổi tiền (Currency Exchange)

6 Dịch vụ mạng (Network Services - trang 103)

6.1 Chuyển cuộc gọi (Call Diverting)
- 6.1.1 Luôn luôn chuyển (Divert Always)
- 6.1.2 Chuyển khi bận (Busy)
- 6.1.3 Khi không trả lời (No Reply)
- 6.1.4 Khi mất sóng (Unreachable)
- 6.1.5 Hủy bỏ tất cả (Cancel All)

6.2 Khoá cuộc gọi (Call Barring)*
- 6.2.1 Mọi cuộc gọi đi (All Outgoing)
- 6.2.2 Gọi quốc tế (International)
- 6.2.3 Khoá quốc tế trừ gọi về nhà (International Except to Home)
- 6.2.4 Mọi cuộc gọi đến (All Incoming)
- 6.2.5 Khoá gọi đến khi ở nước ngoài (Incoming While Abroad)
- 6.2.6 Hủy bỏ tất cả (Cancel All)
- 6.2.7 Đổi mã khoá cuộc gọi (Change Barring Password)

6.3 Giữ cuộc gọi (Call Waiting) *
- 6.3.1 Cuộc gọi (Voice calls)
- 6.3.2 Fax (Fax Calls)
- 6.3.3 Dữ liệu (Data Calls)
- 6.3.4 Hủy bỏ tất cả (Cancel All)

6.4 Lựa chọn mạng (Network Selection)
- 6.4.1 Tự động (Automatic)
- 6.4.2 Không tự động (Manual)

6.5 Giấu số (Caller ID)
- 6.5.1 Mặc định (Default)
- 6.5.2 Giấu số (Hide Number)
- 6.5.3 Hiển thị số (Send Number)

6.6 Gọi nhóm (Closed User Group)
- 6.6.1 Danh mục nhóm (Index List)
- 6.6.2 Gọi ra ngoài (Outside Access)
- 6.6.3 Nhóm mặc định (Default Group)

7 Giải trí (Fun Box - trang 111)

7.1 Trò chơi (Games)
- 7.1.1 HoneyBall
- 7.1.2 Hamster Box

7.2 Trình duyệt WAP (WAP Browser)
- 7.2.1 Trang chủ (Home)
- 7.2.2 Trang hay dùng (Favorite)
- 7.2.3 http://
- 7.2.4 Cài đặt (Settings)
- 7.2.5 Xoá bộ nhớ đệm (Clear Cache)

7.3. Tải về (Downloads)
- 7.3.1 Trò chơi (Games & More)
- 7.3.2 Âm thanh (Sounds)
- 7.3.3 Tranh ảnh (Pictures)
- 7.3.4 Cài đặt DNS (DNS Setting)

Tin nhắn (Messages)

Menu 1

Tin nhắn là dịch vụ của mạng điện thoại di động. Mạng có thể có các dịch vụ tin nhắn như sau: SMS, fax, E-mail, paging (chỉ gửi số), lời nhắn, ... Muốn gửi được tin nhắn, bạn phải có số của tổng đài tin nhắn.

Khi có tin nhắn mới, điện thoại hiển thị biểu tượng trên màn hình. Nếu bộ nhớ SIM đầy, máy sẽ báo lỗi và bạn không nhận thêm tin nhắn được nữa. Dùng tùy chọn **Xoá** (Delete) trong menu **Hộp thư đến** (Inbox) và **Hộp thư đi** (Outbox) để xóa các tin nhắn cũ.

Nếu nhận tin trong trạng thái khoá bàn phím, bạn phải mở bàn phím bằng cách bấm phím mềm **Mở khoá** (Unlock) thì mới đọc tin được.

Trước khi đọc hay viết tin nhắn, bạn cần cài đặt các thông số liên quan tới tổng đài và loại tin nhắn. Phần cài đặt này sẽ được hướng dẫn trong Menu 1.5.

Hộp thư đến (Inbox)

Menu 1.1

Hộp thư đến là nơi điện thoại lưu các tin nhắn bạn nhận. Khi vào menu này, điện thoại hiển thị danh sách tin nhắn kèm theo tên hoặc số điện thoại người gửi.

1. Chọn tin muốn đọc trong danh sách và bấm phím mềm **Xem** (View) để xem nội dung tin nhắn.
2. Để cuộn màn hình lên xuống, dùng 2 phím và .
3. Để di chuyển đến tin trước hay sau đó, dùng 2 phím hay .

Khi đang đọc tin, bạn có các tùy chọn như sau khi bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options)

Xoá (Delete): Xoá tin nhắn đang đọc.

Gửi tin (Send): Gửi tin nhắn. Xem chi tiết trang 65.

Trả lời (Reply): Trả lời bằng tin nhắn.

Gọi lại (Call back): Gọi lại người gửi.

Chép địa chỉ (Cut Address): Chép các địa chỉ Web, E-mail hoặc số điện thoại từ trong tin nhắn để lưu vào bộ nhớ điện thoại.

Chuyển qua điện thoại (Move to Phone): Chép tin từ bộ nhớ thẻ SIM sang bộ nhớ điện thoại. Tuỳ chọn này chỉ xuất hiện khi tin đang được lưu trong bộ nhớ thẻ SIM.

Chuyển qua thẻ SIM (Move to SIM): Chép tin từ bộ nhớ điện thoại sang bộ nhớ thẻ SIM. Tuỳ chọn này chỉ xuất hiện khi tin đang được lưu trong bộ nhớ điện thoại.

Chọn (Select Objects): Chọn và lưu chuông/hình gửi kèm theo tin nhắn vào điện thoại. Bạn có thể dùng lại các chuông/hình này khi viết tin mới; xem trang 66 để biết thêm chi tiết.

Hộp thư đi (Outbox) *Menu 1.2*

Hộp thư đi là nơi điện thoại lưu các tin bạn đã gửi hoặc viết nhưng chưa gửi. Khi vào menu này, điện thoại hiển thị danh sách tin nhắn kèm theo tên hoặc số điện thoại người gửi.

1. Chọn tin muốn đọc trong danh sách và bấm phím mềm **Xem** (View) để xem nội dung tin nhắn.
2. Để cuộn màn hình lên xuống, dùng 2 phím hay .
3. Để di chuyển đến tin trước hay sau đó, dùng 2 phím hay .

Khi đang đọc tin, bạn có các tùy chọn như sau khi bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options)

Xoá (Delete): Xoá tin nhắn đang đọc.

Gửi tin (Send): Gửi tin nhắn. Xem chi tiết trang 65.

Chép địa chỉ (Cut Address): Chép các địa chỉ Web, E-mail hoặc số điện thoại từ trong tin nhắn để lưu vào bộ nhớ điện thoại.

Chuyển qua điện thoại (Move to Phone): Chép tin từ bộ nhớ thẻ SIM sang bộ nhớ điện thoại. Tuỳ chọn này chỉ xuất hiện khi tin đang được lưu trong bộ nhớ thẻ SIM.

Chuyển qua thẻ SIM (Move to SIM): Chép tin từ bộ nhớ điện thoại sang bộ nhớ thẻ SIM. Tuỳ chọn này chỉ xuất hiện khi tin đang được lưu trong bộ nhớ điện thoại.

Chọn (Select Objects): Chọn và lưu chuông/hình gửi kèm theo tin nhắn vào điện thoại. Bạn có thể dùng lại các chuông/hình này khi viết tin mới; xem trang 66 để biết thêm chi tiết.

Viết tin mới (Write New) *Menu 1.3*

Menu này cho phép viết tin nhắn.

Chú ý: Chiều dài một tin nhắn không vượt quá 918 ký tự. Nếu bạn gửi kèm chuông/hình theo tin nhắn, số ký tự bạn được dùng sẽ giảm đi.

Viết tin chỉ gồm ký tự

Giả sử bạn muốn mời người bạn có số điện thoại 0903-555-666 đi xem ca nhac, thực hiện như sau:

1. Vào menu này và nhập nội dung tin nhắn (Ví dụ: "Anh co di xem ca nhac khong?").

   Chú ý: Xem trang 42 để biết chi tiết về cách nhập chữ.

2. Sau khi viết xong tin nhắn, bấm phím **Lựa chọn** (Options) bạn có các tùy chọn sau:

Gửi tin (Send): Chỉ gửi mà không lưu tin nhắn.

Gửi & lưu tin (Save and Send): Bạn vừa lưu, vừa gửi tin nhắn. Bạn có thể đọc lại các tin nhắn đã lưu trong menu **Hộp thư đi** (Outbox).

Lưu (Save): Bạn chỉ lưu tin nhắn, không gửi đi. Bạn có thể đọc lại các tin nhắn đã lưu trong menu **Hộp thư đi** (Outbox).

Thông tin chi tiết về các tùy chọn **Định dạng văn bản** (Text Formatting), **Thêm** (Add Objects), **Thêm khuôn mẫu** (Add Templates), **Thêm số trong danh bạ** (Add Phonebook), **Thêm trang hay dùng** (Add Bookmark) và **Ngôn ngữ** (Language) sẽ được trình bày chi tiết tại trang 66, phần "Viết tin có đính kèm".

3. Chọn **Gửi tin** (Send) hoặc **Gửi & lưu tin** (Save and Send), và bấm phím **Chọn** (Select). Nếu bạn không muốn gửi, chỉ muốn lưu thì chọn **Lưu** (Save). Sau khi lưu, điện thoại quay về menu **Tin nhắn** (Messages).

4. Chọn bộ nhớ bạn muốn lưu tin vào và bấm phím **OK**.
5. Nhập số điện thoại của người nhận: 0903-555-666. Để chọn một số từ danh bạ, bấm phím mềm **Danh bạ** (Name)
6. Bấm phím mềm **OK**. Điện thoại gửi tin đi.

Chú ý: Nếu không gửi được tin, điện thoại sẽ hỏi bạn có thử lại không. Bấm **OK** để gửi lại, hoặc **Thoát** (Exit) để thoát.

Viết tin có đính kèm

1. Vào menu này và nhập nội dung tin nhắn.
2. Bấm phím **Lựa chọn** (Options).
3. Chọn các tùy chọn sau tùy ý bạn, dùng các phím ⁀ hoặc ⁔ để di chuyển, và **Chọn** (Select) để chọn:

Định dạng văn bản (Text Formatting): dùng để định dạng văn bản. Tùy chọn **Cỡ chữ** (Size) có các lựa chọn **Bình thường** (Normal), **Lớn** (Large) và **Nhỏ** (Small). Các tùy chọn **Gạch ngang** (Strikethrough) và **Gạch dưới** (Underline) có thể là **Bật** (On) hoặc **Tắt** (Off), tức là sử dụng hoặc không sử dụng.

Thêm (Add Objects): dùng để kèm thêm hình/chuông vào tin nhắn của bạn, các hình/chuông này có thể có sẵn trong máy hoặc được tải về từ Internet hoặc các điện thoại khác.

Thêm khuôn mẫu (Add Templates): bạn có thể viết các tin soạn sẵn (khuôn mẫu) ví dụ như chữ ký (gồm tên, địa chỉ, điện thoại ...) cho E-mail để gửi kèm vào tin mới soạn cho đỡ mất công soạn lại. Các tin soạn sẵn được lưu trong menu **Khuôn mẫu** (Templates), xem dưới đây.

Thêm số trong danh bạ (Add Phonebook): dùng để thêm số điện thoại trong danh bạ vào tin nhắn, ví dụ trong trường hợp thông báo số điện thoại của một người quen.

Thêm trang hay dùng (Add Bookmark): giúp bạn chèn một địa chỉ Web lưu trong menu **Trang hay dùng** (Favourites - Menu 7.2.2) vào tin nhắn.

Ngôn ngữ (Language): dùng để thay đổi ngôn ngữ cho chế độ nhập Tiên đoán (T9) khi bạn nhập chữ.

4. Hoàn tất tin nhắn và gửi đi hoặc lưu theo các bước từ bước 3 trang 65.

Khuôn mẫu (Templates) *Menu 1.4*

Trong menu này, bạn có thể lưu 5 tin nhắn thường dùng nhất. Di chuyển bằng ⁀ hoặc ⁀ để đến tin nhắn muốn gửi (hoặc xoá), bấm **Lựa chọn** (Options) để chọn tin nhắn này. Bạn sẽ có các tuỳ chọn sau:

Sửa đổi (Edit): viết một tin nhắn mới hoặc sửa tin nhắn đã lưu. Về cách nhập chữ, xin xem trang 42.

Gửi tin (Send Message): cho phép bạn chọn để gửi tin nhắn. Trước khi gửi, bạn có thể sửa nội dung tin nhắn, và cũng có thể chỉ lưu mà không gửi tin nhắn. Xem trang 65 để biết cách gửi tin.

Xoá (Delete) : Xóa nội dung tin nhắn đã lưu. Điện thoại sẽ yêu cầu bạn xác nhận bằng cách bấm phím **OK** (Yes).

Cài đặt (Settings) *Menu 1.5*

Bạn cài đặt các thông số cho tổng đài và loại tin nhắn trong menu này. Menu có vài cấu hình khác nhau (số lượng tùy thuộc thẻ SIM của bạn), bao gồm các thông số liên quan đến tin nhắn.

Chú ý: Khi bạn gửi tin, điện thoại tự động sử dùng cấu hình được sử dụng gần nhất.

Mỗi cấu hình (trong **Cài đặt x**) gồm các thông số như sau:

Tổng đài (Service Centre) Số của Tổng đài tin nhắn. Số này do nhà cung cấp mạng cung cấp.

Mạng Mobifone: +8490 000 0012 (vùng I và III)
+8490 000 0018 (vùng III)

Mạng VinaPhone: +8491 020 005

Người nhận mặc định (Default Destination) Nếu bạn thường xuyên phải gửi tin nhắn đến một số điện thoại thì có thể chọn số ấy làm số của người nhận mặc định khi bạn gửi, điện thoại tự động hiển thị số này cho bạn gửi (hoặc sửa).

Loại tin nhắn (Default Type) Cho phép chọn dạng tin nhắn mặc định (Ký tự, Fax, Email hay chỉ gửi số). Nhà cung cấp mạng sẽ chuyển tin thành dạng đã chọn.

Thời gian hiệu lực (Default Validity) Cho phép chọn khoảng thời gian trong đó Tổng đài tin nhắn lưu và thử chuyển tin.

Tên cài đặt (Setting Name) Tên cài đặt mặc định trong máy là Cài đặt 1, Cài đặt 2, ... Bạn có thể đổi các tên này thành các tên khác tuỳ ý.

Cài đặt chung (Common Setting)

Gồm các tùy chọn như sau:

Đường dẫn trả lời (Reply Path) Dịch vụ mạng, cho phép người nhận gửi tin nhắn trả lời qua trung tâm tin nhắn của người gửi.

Báo đã gửi tin (Delivery Report) Nếu chức năng này được bật, trung tâm sẽ thông báo khi người nhận đọc tin nhắn của bạn, hoặc nếu tin không gửi đi được.

Chọn trạm trung chuyển (Bearer Selection)

Cho phép bạn chọn giữa **GSM** và **GPRS**.

Xoá toàn bộ (Delete All) *Menu 1.6*

Bạn dùng menu này để xoá các tin nhắn trong từng hộp thư hoặc tất cả các tin nhắn cùng một lúc.

Để ...	**Bấm phím ...**
Di chuyển đến một hộp thư.	⁀ hoặc ⁀. Để xoá tất cả các tin nhắn cùng một lúc, chọn **Tất cả các tin** (All Messages)
Đánh dấu để xoá	mềm **Đánh dấu** (Mark)
Bỏ đánh dấu	mềm **Bỏ đánh dấu** (Unmark)
Xoá các hộp thư đã đánh dấu	mềm **Xoá** (Delete)

Khi xoá, điện thoại sẽ yêu cầu bạn xác nhận việc xoá bằng phím mềm **OK** (Yes).

Kho chuông/ảnh động (My Objects) *Menu 1.7*

Các chuông/ảnh động mà bạn nhận được qua tin nhắn và lưu lại bằng tùy chọn **Chọn** (Select Objects) ở trang 63 sẽ được lưu vào menu này.

Có 3 tùy chọn trong menu:

- **Chuông tự cài** (My Melody)
- **Hình tự cài** (My Picture), và
- **Ảnh động tự cài** (My Animation)

Nếu muốn xoá các chuông/hình, bạn dùng phím mềm **Xoá** (Delete). Nếu muốn xoá tất cả chuông/hình thì dùng tùy chọn **Xoá toàn bộ** (Delete All - Menu 1.7.4).

Để ...	**Bấm phím ...**
Chọn một loại chuông/ hình để xoá	mềm **Đánh dấu** (Mark)
Không chọn xoá nữa	mềm **Bỏ đánh dấu** (Unmark)
Xoá loại chuông/hình đã chọn	mềm **Xoá** (Delete)

Thông tin bộ nhớ (Memory Status) *Menu 1.8*

Menu này hiển thị số lượng tin nhắn đang được lưu trên thẻ SIM, điện thoại và bộ nhớ CB.

Hộp thư thoại (Voice Mail) *Menu 1.9*

Dùng để cài đặt số hộp thư thoại và kết nối tới hộp thư, nghe các lời nhắn. Đây là dịch vụ tùy thuộc mạng và thẻ SIM. Có các tùy chọn như sau:

Kết nối hộp thư (Connect to Voice Server)

Trước khi dùng chức năng này, bạn phải nhập số điện thoại của hộp thư thoại (xem Menu 1.9.2). Khi số điện thoại của hộp thư thoại đã được lưu trong máy, bạn vào mục này và nhấn phím mềm **OK** để nghe tin nhắn.

Chú ý: nếu bạn nhấn phím 1 trong khi điện thoại đang ở trạng thái chờ, bạn có thể kết nối trực tiếp với hộp thư thoại.

Số hộp thư thoại (Voice Service number)

Cho phép nhập số hộp thư thoại. Với VMS Mobifone, số này là 181. Với VinaPhone, số này là 942. Lưu ý rằng số này là số các bạn gọi tới để nghe lại lời nhắn.

Để chuyển các cuộc gọi vào hộp thư thoại, bạn dùng chức năng chuyển cuộc gọi (Menu 6.1) vào hộp thư thoại. Số chuyển là 180 với Mobifone và 944 với VinaPhone.

Để ...	Bấm phím ...
Nhập số hộp thư thoại	số tương ứng
Sửa một chữ số	C
Di chuyển sang trái/phải	(hoặc)

Chú ý: Hộp thư thoại là dịch vụ mạng, xin liên hệ nhà cung cấp mạng để biết thêm chi tiết.

Bản tin (Broadcast) *Menu 1.10*

Dịch vụ mạng này cho phép bạn sử dụng tin nhắn về một số chủ đề như thời tiết hay thông tin giao thông. Tin hiện lên ngay khi nhận được nếu:

- Máy đang trong trạng thái chờ.
- Tùy chọn **Nhận tin** (Receive) được chọn là **Bật** (Enable)
- Kênh tin đang được chọn trong danh sách các kênh.

Menu này có các tuỳ chọn như sau:

Đọc tin (Read)

Dùng để đọc bản tin. Ngăn **Không ổn định** (Volatile) gồm các tin có nội dung tin được lưu trên mạng, sẽ mất khi bạn tắt máy. Nếu muốn lưu tin vào máy, bạn dùng phím mềm **Lưu** (Save) để lưu tin vào ngăn **Lưu trữ** (Archive). Dùng ⁀ hoặc ⁀ để xem nội dung tin.

Nhận tin (Receive)

Cho phép **Bật** (Enable) để nhận tin hoặc **Tắt** (Disable) để không nhận tin.

Danh mục kênh (Channel list)

Hiển thị các kênh tin nhận được. Có các tùy chọn như sau:

Chọn (Select): Dùng để chọn hoặc không chọn các kênh trong danh sách bằng cách đánh dấu hoặc bỏ đánh dấu.

Thêm kênh (Add Channel): Dùng để thêm số hiệu (ID) và tên cho kênh mới.

Xoá (Delete): Xoá một kênh khỏi danh sách

Sửa đổi (Edit): Dùng để sửa số hiệu (ID) và tên cho kênh.

Ngôn ngữ (Language)

Dùng để chọn ngôn ngữ ưa thích cho tin của bản tin.

Xin liên hệ các nhà cung cấp mạng để biết thêm chi tiết.

Quản lý cuộc gọi (Call Records) *Menu 2*

Trong menu này, bạn có thể xem

- Chi tiết các cuộc gọi đến, gọi đi và các cuộc gọi bị nhỡ
- Thời lượng các cuộc gọi đi và gọi đến
- Cước cuộc gọi.

Chú ý: Bạn có thể xem các số mới gọi đi, gọi đến và gọi nhỡ bằng cách bấm phím trong trạng thái chờ.

Cuộc gọi nhỡ (Missed Calls) *Menu 2.1*

Menu này hiển thị 20 cuộc gọi bị nhỡ gần nhất, kèm theo số hoặc tên người gọi (nếu đã lưu trong danh bạ) và thời gian gọi. Khi bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options), bạn có thể:

- **Xoá** (Delete): xóa số trong danh sách cuộc gọi nhỡ.
- **Sửa đổi** (Edit): Sửa số để lưu trong danh bạ.

Nếu muốn gọi lại số gọi nhỡ, bạn dùng phím .

Các số đã nhận (Received Calls) *Menu 2.2*

Menu này hiển thị 20 cuộc gọi đến gần nhất, kèm theo số hoặc tên người gọi (nếu đã lưu trong danh bạ) và thời gian gọi. Khi bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options), bạn có thể:

- **Xoá** (Delete): xóa số trong danh sách cuộc gọi đến.
- **Sửa đổi** (Edit): Sửa số để lưu trong danh bạ.

Nếu muốn gọi lại số đã nhận, bạn dùng phím .

Các số đã gọi (Dialed Calls) *Menu 2.3*

Menu này hiển thị 20 cuộc gọi đi gần nhất, kèm theo số hoặc tên người gọi (nếu đã lưu trong danh bạ) và thời gian gọi. Khi bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options), bạn có thể:

- **Xoá** (Delete): xóa số trong danh sách cuộc gọi đi.
- **Sửa đổi** (Edit): Sửa số để lưu trong danh bạ.

Nếu muốn gọi lại số đã gọi, bạn dùng phím .

Xoá toàn bộ (Delete All) *Menu 2.4*

Bạn có thể xoá danh sách các cuộc gọi nhỡ, gọi đến và gọi đi.

Để ...	**Bấm phím ...**
Chọn danh sách cần xoá	hoặc để di chuyển và **Đánh dấu** (Mark) để chọn
Loại khỏi danh sách cần xoá	**Bỏ đánh dấu** (Unmark)
Xoá danh sách đã đánh dấu	**Xoá** (Delete)

Khi xoá, điện thoại sẽ yêu cầu bạn xác nhận việc xoá bằng phím mềm **OK** (Yes).

Thời gian gọi (Call Time) *Menu 2.5*

Menu này hiển thị thời lượng các cuộc gọi đến và đi.

Chú ý: Thời gian bạn bị tính cước sẽ khác thời gian ở đây vì làm tròn số.

Cuộc gọi cuối (Last Call Time): Cuộc gọi cuối.

Thời gian gọi đi (Total Sent): Thời gian gọi đi từ khi bộ đếm thời gian được xóa về 0.

Thời gian gọi đến (Total Received): Thời gian gọi đến từ khi bộ đếm được xóa về 0.

Xoá đồng hồ (Reset Timers): Dùng để xóa đồng hồ thời gian. Bạn cần nhập mã bảo vệ điện thoại (xem trang 124), sau đó bấm **OK** nếu muốn xóa.

Cước phí gọi (Call cost) *Menu 2.6*

Menu này hiển thị cước phí các cuộc gọi đi. Có các tùy chọn sau:

Cuộc gọi cuối (Last Call Cost): Cước phí cuộc gọi cuối.

Tổng cước phí (Total Cost): Tổng cước phí. Nếu tổng cước này vượt quá Giới hạn cước lưu trong tùy chọn **Đặt giới hạn** (Set Max Cost), bạn sẽ không gọi đi được nữa.

Giới hạn cước (Max Cost): Giới hạn cước bạn được sử dụng, có thể thay đổi trong tùy chọn **Đặt giới hạn**.

Xoá bộ đếm cước (Reset Counters): Xoá bộ đếm cước, dùng để chỉnh bộ đếm cước phí về 0. Trước khi cài đặt, bạn phải nhập PIN2 (xem trang 126), sau đó nhấn phím **OK**.

Đặt giới hạn (Set Max Cost): Đặt giới hạn cước bạn được sử dụng.

Giá/Đơn vị (Price/Unit): Cài đặt giá cước phí cho mỗi đơn vị cuộc gọi. Giá này được dùng để tính cước các cuộc gọi. Trước khi cài đặt, bạn phải nhập PIN2 (xem trang 126), sau đó nhấn phím **OK**.

Cài đặt âm thanh (Sound Settings)

Menu 3

Menu này để chỉnh các loại âm thanh của điện thoại, ví dụ như:

- Kiểu chuông, âm lượng.
- Âm bàn phím, âm báo lỗi, báo tin nhắn.

Chú ý: Khi điện thoại ở trạng thái yên lặng (xem trang 28), bạn không thể thay đổi cài đặt âm thanh.

Kiểu chuông (Ring Tone) *Menu 3.1*

Bạn dùng tùy chọn này để thay đổi chuông báo. Điện thoại có rất nhiều chuông, mỗi khi vào một tùy chọn, điện thoại hiển thị danh sách chuông và cho bạn nghe thử mỗi khi bạn di chuyển đến một chuông. Nếu bạn đã tải chuông từ các nguồn khác (máy tính, internet, Easy GPRS ...), bạn có thể xem danh sách trong menu này.

Âm lượng chuông (Ring Volume) *Menu 3.2*

Dùng để chỉnh âm lượng của chuông, có thể chọn trong 5 mức từ thấp đến cao. Có thể dùng các phím chỉnh âm thanh bên hông điện thoại ▲ và ▼, hoặc phím ⁀ và ⁀.

Rung/chuông (Alert Type) *Menu 3.3*

Dùng để chọn kiểu báo khi có cuộc gọi đến. Có các tùy chọn sau:

Chỉ báo đèn (Light only): Chỉ nháy đèn màn hình. Điện thoại không rung, cũng không đổ chuông.

Chuông (Melody): Điện thoại đổ chuông. Chuông được chọn trong menu **Kiểu chuông** (Menu 3.1- trang 78)

Rung (Vibration): Điện thoại rung nhưng không đổ chuông.

Rung & chuông (Vibra+Melody): Điện thoại rung 3 lần, sau đó đổ chuông.

Âm bàn phím (Keypad Tone) *Menu 3.4*

Cho phép bạn chọn âm thanh phát ra khi bạn nhấn phím. Có các tùy chọn sau đây:

Tắt (OFF): nhấn phím không phát tiếng.

Cool: mỗi phím phát ra một âm thanh riêng trong trạng thái chờ.

Piano: mỗi phím phát ra một nốt nhạc trong trạng thái chờ

Tone: mỗi phím có một âm thanh riêng.

Bíp (Beep): các phím cùng phát ra một âm thanh.

Báo tin nhắn (Message Tone) *Menu 3.5*

Chọn kiểu báo khi có tin nhắn mới.

Âm tin nhắn (SMS Tone) *Menu 3.5.1*

Âm tin nhắn là âm phát ra khi có tin nhắn đến. Âm tin nhắn có các tuỳ chọn như sau:

Tắt (Off): không phát ra âm khi có tin nhắn đến.

Chỉ báo đèn (Light Only): báo bằng cách nhấp nháy đèn, không phát ra âm thanh.

Rung (Vibration): Điện thoại rung nhưng không đổ chuông.

Bíp 1 lần (Single Beep): phát ra tiếng bíp, chỉ một lần duy nhất.

Kiểu X: phát ra âm thanh được chọn

Âm SMS-CB (SMS-CB Tone) *Menu 3.5.2*

Tin nhắn SMS-CB (cell broadcast) là dịch vụ chưa có tại Việt nam. Giống như phần Âm tin nhắn, Âm SMS-CB có các tuỳ chọn như sau:

Tắt (Off): không phát ra âm khi có tin nhắn đến.

Chỉ báo đèn (Light only): báo bằng cách nhấp nháy đèn, không phát ra âm thanh.

Rung (Vibration): Điện thoại rung nhưng không đổ chuông.

Bíp 1 lần (Single Beep): phát ra tiếng bíp, chỉ một lần duy nhất.

SMS-CB Tone X: phát ra âm thanh được chọn

Âm bật/tắt (Power On/Off) *Menu 3.6*

Khi bật và tắt, điện thoại sẽ phát ra âm bạn chọn trong mục này. Có tác tùy chọn sau đây:

Tắt (OFF): điện thoại không phát tiếng khi bật/tắt.

Cổ điển (Classical): điện thoại phát tiếng chuẩn khi bật/tắt.

Vui nhộn (Cheerful): điện thoại phát một âm vui nhộn khi bật/tắt.

Các âm khác (Extra Tones) *Menu 3.7*

Các âm khác của điện thoại bao gồm **báo lỗi** (Error Tone), **báo mỗi phút** (Minute Minder) và **báo kết nối** (Connect Tone).

Để ...	**Bấm phím ...**
Bật âm lên	mềm **Bật** (On)
Tắt âm	mềm **Tắt** (Off)

Báo lỗi (Error Tone) là âm thanh điện thoại phát ra khi bạn thao tác có lỗi.

Báo mỗi phút (Minute Minder) là âm báo cho bạn cuối mỗi phút đàm thoại.

Báo kết nối (Connect Tone) là âm báo báo khi điện thoại kết nối với mạng.

Cài đặt điện thoại (Phone Settings) *Menu 4*

Điện thoại có rất nhiều tuỳ chọn để bạn cài đặt theo ý thích của mình. Phần lớn các cài đặt cho điện thoại được tập trung trong menu này.

Chế độ hồng ngoại (Infrared Activate) *Menu 4.1*

Chức năng hồng ngoại cho phép bạn gửi và nhận fax/dữ liệu qua cổng hồng ngoại. Để dùng chức năng hồng ngoại, bạn phải:

- Cài đặt và bật cổng hồng ngoại trên máy tính
- Bật chế độ hồng ngoại trên điện thoại. Biểu trưng hồng ngoại sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Để cổng hồng ngoại của máy tính chiếu vào cổng hồng ngoại của điện thoại.

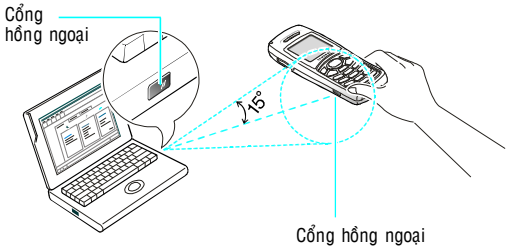

Nếu không có liên lạc qua cổng hồng ngoại của điện thoại trong vòng 30 giây, điện thoại sẽ tự động tắt chế độ hồng ngoại.

Chú ý: Một cách truyền dữ liệu thuận tiện hơn là dùng dây nối với máy tính, có thể mua tại đại lý của Samsung.

Cài đặt riêng (My Settings) *Menu 4.2*

Bạn có thể thay đổi màn hình nền và kiểu menu trong menu này.

Màn hình nền (Wallpaper) *Menu 4.2.1*

Màn hình nền là hình hiển thị khi điện thoại ở trạng thái chờ. Để thay đổi hình, thực hiện như sau:

1. Di chuyển trong danh mục các hình bằng ⁀ hoặc ⁔. Điện thoại có sẵn nhiều hình cho bạn chọn, trong đó có cả màn hình trống, nhưng bạn cũng có thể nạp thêm từ Internet hoặc dùng chương trình Easy GPRS.
2. Bấm phím mềm **Xem** (View) để xem thử hình.
3. Nếu bạn muốn chọn hình làm màn hình nền, bấm phím **Chọn** (Select).
4. Điện thoại sẽ hỏi có hiển thị đồng hồ hay không.

Để hiển thị ...	**Bấm phím ...**
Ngày giờ hiện tại trên màn hình nền	**OK** (Yes)
Chỉ hiển thị hình	**Không** (No)

Kiểu menu (Menu Style) *Menu 4.2.2*

Menu có thể hiển thị theo 2 kiểu: **Kiểu đồng thời** (Bar Style) hiển thị nhiều menu một lúc, và **Kiểu phóng đại** (Zoom Style) mỗi lúc chỉ hiển thị 1 menu (có hiển thị menu trước và sau đó). Bạn có thể chọn 1 trong 2 kiểu này.

Tự động khoá phím (Auto Key Lock) *Menu 4.2.3*

Để tránh việc bấm phím vô ý, điện thoại có chức năng tự động khoá bàn phím sau một khoảng thời gian nhất định không sử dụng. Các khoảng thời gian bạn có thể chọn là **15 giây** (15 Sec), **30 giây** (30 Sec), **1 phút** (1 Min) và **2 phút** (2 Min).

Nếu không muốn sử dụng chức năng này, bạn có thể tắt chức năng bằng tùy chọn **Tắt** (Off)

Chú ý: Bạn có thể tự mình khoá bàn phím bất cứ lúc nào. Để biết chi tiết, xin xem trang 21.

Lời chào (Greeting Message) *Menu 4.3*

Mỗi khi bật máy, trên màn hình điện thoại hiển thị lời chào đầu tiên, bạn thay đổi được lời chào trong menu này.

Để ...	**Bấm phím ...**
Xoá lời chào hiện tại	C và giữ đến khi màn hình được xoá sạch.
Nhập lời chào mới	Các phím số tương ứng.
Thay đổi cách nhập chữ	mềm ⇧

Xin xem thêm trang 42 để biế chi tiết cách nhập chữ.

Số của bạn (Own Number) *Menu 4.4*

Chức năng này cho phép bạn:

- Đặt tên cho đường điện thoại trên thẻ SIM của bạn
- Sửa tên và số

Một số mạng nước ngoại hỗ trợ dịch vụ một thẻ SIM nhiều số, bạn có thể chọn đường để gọi đi và kiểm tra lại trong menu này.

Nếu bạn sửa số tại đây thì số của thẻ SIM vẫn không thay đổi.

Chú ý: Các thẻ SIM Việt Nam cho tới nay không hỗ trợ dịch vụ một SIM nhiều số.

Ngôn ngữ (Language) *Menu 4.5*

Bạn có thể chọn **ngôn ngữ hiển thị** (Text language) cho các văn bản trên màn hình. Nếu tùy chọn ngôn ngữ trong mục này được chọn là **Tự động** (Automatic), máy sẽ chọn ngôn ngữ theo ngôn ngữ của thẻ SIM.

Khóa máy (Security) *Menu 4.6*

Điện thoại có nhiều chức năng khóa máy và SIM để tăng tính an toàn cho máy và tránh việc sử dụng máy tùy tiện mà không có sự đồng ý của chủ máy. Xem trang 124 - 127 để biết thêm chi tiết.

Hỏi mã PIN (PIN Check) *Menu 4.6.1*

Chức năng Hỏi mã PIN dùng để bảo vệ thẻ SIM của bạn. Nếu bạn bật (Enable) chức năng hỏi mã PIN, máy sẽ yêu cầu bạn nhập đúng mã PIN mỗi khi bật máy. Người không biết mã PIN sẽ không bật được máy.

Chú ý: Trước khi tắt Hỏi mã PIN, bạn phải nhập mã PIN.

Để thay đổi mã PIN, bạn dùng chức năng **Đổi mã PIN** (Menu 4.6.2)

Có hai tùy chọn trong menu này:

Bật (Enable): máy sẽ yêu cầu bạn nhập mã PIN mỗi khi bật máy.

Tắt (Disable): máy không yêu cầu bạn nhập mã PIN mỗi khi bật máy

Đổi mã PIN (Change PIN) *Menu 4.6.2*

Chức năng này cho phép bạn đổi mã PIN với điều kiện bạn đã bật chức năng **Hỏi mã PIN** (PIN check) trong Menu 4.6.1. Máy sẽ yêu cầu bạn nhập mã PIN cũ, mã PIN mới và xác nhận mã PIN mới.

Khoá máy (Phone Lock) *Menu 4.6.3*

Tương tự như mã PIN, nhưng khoá máy thì mã bảo vệ dùng để bảo vệ điện thoại của bạn. Muốn bật, bạn chọn **Bật** (Enable). Muốn tắt, bạn chọn **Tắt** (Disable). Mã bảo vệ máy mặc định là 00000000 khi sản xuất.

Để đổi khoá máy, bạn dùng chức năng **Đổi mật mã** (Change Password) trong menu 4.6.4 ở trang 88.

Chú ý: sau khi bạn đã khóa máy, nếu đưa bất kỳ một thẻ SIM nào vào máy, dù SIM có khóa hay không, điện thoại đều yêu cầu bạn nhập mã để mở máy.

Cũng như mã PIN, có hai tùy chọn trong menu khoá máy:

Bật (Enable): máy sẽ yêu cầu bạn nhập khoá máy mỗi khi bật máy.

Tắt (Disable): máy không yêu cầu bạn nhập khoá máy mỗi khi bật máy.

Đổi mật mã (Change Password) *Menu 4.6.4*

Dùng để đổi mã bảo vệ của máy, dùng cho mục **Khóa máy** ở trên. Bạn sẽ phải nhập mã bảo vệ cũ, mã mới và xác nhận lại mã bảo vệ mới. Mã bảo vệ máy mặc định là 00000000 khi sản xuất.

Khóa máy vào SIM (SIM Lock) *Menu 4.6.5*

Chức năng này sẽ "khóa cứng" máy vào thẻ SIM đang dùng, nghĩa là điện thoại chỉ có thể sử dụng với thẻ SIM hiện thời. Bạn cần nhập mật mã mở SIM (tùy chọn) và xác nhận lại mã này.

Khi bỏ một thẻ SIM khác vào điện thoại, máy sẽ yêu cầu bạn nhập mã mở SIM để có thể dùng điện thoại với SIM mới.

Chế độ FDN (Fixed Dialing Number Mode) *Menu 4.6.6*

Khi bật (Enable), chức năng này chỉ cho phép gọi đến các số trong danh bạ điện thoại của máy. Bạn cần nhập mã PIN2 để sử dụng tính năng FDN. Một số thẻ SIM không có mã PIN2 nên không có dịch vụ này. Để gọi được tất cả các số, bạn phải tắt (Disable) chức năng FDN.

Có hai tùy chọn trong menu FDN:

Bật (Enable): Bạn chỉ gọi được các số trong danh bạ của máy, và phải nhập mã PIN2 khi gọi.

Tắt (Disable): Bạn gọi được tất cả các số.

Chú ý: Không phải thẻ SIM nào cũng có mã PIN2. Nếu thẻ SIM của bạn không có, menu này sẽ không hiển thị.

Nếu muốn đổi mã PIN2, bạn xem hướng dẫn trong menu kế tiếp (Menu 4.6.7).

Đổi mã PIN2 (Change PIN2) *Menu 4.6.7*

Menu này cho phép đổi mã PIN2, tương tự như mục **Đổi mã PIN**. Máy sẽ yêu cầu bạn nhập mã PIN2 cũ, mã PIN2 mới và xác nhận mã PIN2 mới.

Chú ý: không phải thẻ SIM nào cũng có mã PIN2. Với những thẻ SIM không có mã PIN2, điện thoại không hiển thị menu này.

Cài đặt màn hình (Display Settings) *Menu 4.7*

Độ sáng (Brightness) *Menu 4.7.1*

Menu này dùng để chỉnh độ sáng tối của màn hình LCD.

Để chỉnh, thực hiện như sau:

1. Dùng các phím ⁀ và ⁀ hoặc ▲ và ▼ bên hông điện thoại để chỉnh sáng tối.
2. Khi đã vừa ý với độ sáng, bấm phím **OK** để lưu.

Đèn màn hình (Backlight) *Menu 4.7.2*

Đèn màn hình là tiện ích giúp bạn nhìn rõ màn hình trong bóng tối, nhưng có thể làm tiêu tốn chút ít năng lượng pin. Đèn màn hình bật mỗi khi bạn bấm một phím bất kỳ, hoặc khi có cuộc gọi hoặc tin nhắn đến. Sau đó, đèn màn hình mờ đi và cuối cùng chuyển thành đồng hồ số để tiết kiệm pin.

Nếu không muốn dùng đèn màn hình, bạn chọn tùy chọn **Tắt** (Off).

Đèn báo sóng (Service Light) *Menu 4.7.3*

Tùy chọn này cho phép bạn chọn có bật đèn báo sóng hay không và nếu có thì dùng màu gì. Điện thoại có sẵn 7 màu cho bạn chọn.

Nếu không muốn dùng đèn báo sóng, bạn chọn tùy chọn **Tắt** (Off).

Logo đồ hoạ (Graphic Logo) *Menu 4.7.4*

Nhà cung cấp mạng có thể có logo bằng đồ hoạ. Nếu bạn chọn hiển thị đồ hoạ trong menu này (**Bật** - On), điện thoại sẽ hiển thị biểu trưng của nhà cung cấp mạng lên màn hình thay tên trong trạng thái chờ. Nếu không (**Tắt** - Off), màn hình chỉ hiển thị tên nhà cung cấp mạng.

Cài đặt khác (Extra Settings) *Menu 4.8*

Điện thoại còn có các chức năng khác bao gồm tự động gọi lại (auto answer) và bấm phím bất kỳ để trả lời (anykey answer). Sử dụng các chức năng này như sau:

Để ...	**Bấm phím mềm ...**
Sử dụng chức năng	**Bật** (On), chức năng sẽ được đánh dấu.
Không sử dụng chức năng	**Tắt** (Off), xoá đánh dấu cạnh chức năng.

Tự động gọi lại (Auto Redial) Chức năng này cho phép bạn gọi lại một số điện thoại nếu lần gọi trước không thành công (ví dụ như máy bận), điện thoại sẽ thử gọi 10 lần.

Chú ý: khoảng cách giữa hai lần gọi lại có thể khác nhau.

Bấm phím trả lời (Anykey Answer): Nếu bật chức năng này, bạn có thể nhận cuộc gọi tới bằng bất cứ phím nào trừ phím \, C và phím **Từ chối** (Reject). Khi bấm các phím này, bạn từ chối cuộc gọi.

Nếu không sử dụng chức năng này, bạn chỉ có thể nhận cuộc gọi bằng phím hay phím **Nghe** (Accept).

Phím nóng (Short Cut) *Menu 4.9*

Các phím di chuyển (lên, xuống, trái, phải) có thể được dùng làm phím nóng cho một số chức năng của điện thoại. Khi đã cài đặt, bạn có thể truy cập nhanh bằng cách bấm và giữ phím di chuyển trong trạng thái chờ.

Cách cài đặt phím nóng:

1. Chọn phím làm phím nóng bằng các phím ▲ hoặc ▼ và **Chọn** (Select). Các phím có thể chọn là Phím lên (▲), Phím xuống (▼), Phím phải (▶) và Phím trái (◀).
2. Di chuyển đến chức năng bạn muốn truy cập nhanh (ví dụ Viết tin mới) bằng ▲ hoặc ▼.

Chú ý: Nếu bạn không muốn chọn làm phím nóng nữa, chọn tùy chọn **Không** (none)

3. Bấm phím **Chọn** (Select) để lưu phím nóng.

Xoá mọi cài đặt (Reset Settings) *Menu 4.10*

Chức năng này giúp bạn dễ dàng khôi phục các tùy chọn mặc định của điện thoại khi sản xuất. Thực hiện như sau:

1. Chọn tùy chọn **Xoá mọi cài đặt** (Reset Settings).
2. Nhập mã bảo vệ máy (8 chữ số) của điện thoại và bấm phím **OK**.

Chú ý: mã bảo vệ máy khi sản xuất là 00000000. Muốn đổi mã này, xem trang 88.

Tiện ích (Organiser)

Menu 5

Menu này chứa các tiện ích của điện thoại, bao gồm:

- Xem lịch năm và xếp lịch công tác
- Lên danh sách việc cần làm
- Cài đặt ngày giờ
- Cài đặt báo thức, nhắc nhở cuộc hẹn
- Dùng điện thoại như máy tính để tính toán, đổi tiền.

Lịch năm (Calendar)

Menu 5.1

Trong menu này, bạn có thể xem lịch năm và viết ghi chú để báo cho bạn biết việc phải làm.

Xem lịch

Khi vào menu **Lịch năm** (Calendar - Menu 5.1), màn hình sẽ hiển thị lịch của tháng hiện tại. Bạn có các tuỳ chọn sau sau khi bấm phím **Lựa chọn** (Options)

Hiển thị ghi chú (Search All): hiển thị tất cả các ghi chú (không kể ngày), bắt đầu từ ghi chú cũ nhất. Để di chuyển trong danh sách các ghi chú, bạn dùng phím ⁀ hoặc ⁔.

Xoá toàn bộ (Delete All): xoá tất cả các ghi chú trong máy. Điện thoại sẽ yêu cầu xác nhận việc xoá.

Đi tới ngày (Go to date): đi đến ngày bạn chọn.

Thoát (Exit): Thoát về trạng thái chờ.

Tạo ghi chú

Giả sử bạn phải mua hoa nhân ngày 20/11 và muốn tạo ghi chú để đỡ quên, thực hiện như sau:

1. Chọn ngày 20/11 dùng các phím di chuyển.

   Chú ý: Bạn có thể di chuyển đến tháng trước hay kế tiếp dùng 2 phím ▲ hoặc ▲ bên hông điện thoại.

2. Bấm phím mềm **Chọn** (Select). Điện thoại sẽ hiển thị màn hình trống cho bạn nhập ghi chú.

3. Nhập "Mua hoa 20/11" và bấm phím **OK**.

   Chú ý: Xem trang 42 để biết chi tiết về cách nhập chữ.

Điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn đặt báo thức hay không.

4. Nếu bạn muốn đặt báo thức, bấm phím **OK** (Yes). Nếu không, bấm phím **Không** (No).

5. Nếu bạn chọn **OK** trong bước 4, chọn giờ báo thức và lại bấm **OK**. Bạn có thể chọn chuông báo thức bằng phím **Chuông** (Melody).

Trên lịch, màu của ngày 20/11 sẽ chuyển sang màu xanh lá cây, biểu thị có ghi chú.

Xem lại ghi chú

Khi bạn chọn một ngày có ghi chú, ghi chú gần nhất của ngày ấy sẽ được hiển thị. Nếu có nhiều ghi chú, bạn dùng ⁀ hoặc ‿ để di chuyển trong danh sách các ghi chú.

Nếu muốn thêm ghi chú vào ngày hiện tại, bạn dùng phím mềm **Tạo mới** (New).

Khi bấm phím **Lựa chọn**, bạn có các tùy chọn như sau:

Sửa đổi (Edit): dùng để sửa nội dung ghi chú.

Báo thức (Alarm): cài đặt hoặc thay đổi (hoặc tắt) báo thức cho ghi chú.

Xoá (Delete): xoá ghi chú.

Chép vào ngày (Copy to): chép ghi chú vào một ngày khác.

Dời lại ngày (Move to): sửa ngày và/hoặc giờ cho ghi chú.

Việc cần làm (To Do List) *Menu 5.2*

Chức năng này cho phép bạn:

- Lên lịch các việc cần làm;
- Chọn các mức độ quan trọng và hạn cuối cho việc; và
- Sắp xếp việc theo mức độ quan trọng và trạng thái.

Tạo việc cần làm

1. Bấm **Tạo mới** (New) để ghi việc mới.
2. Nhập nội dung công việc (nhiều nhất là 40 ký tự)
   Chú ý: xin xem trang 42 về cách nhập chữ.
3. Bấm **OK** để lưu.
4. Máy sẽ cho phép bạn chọn mức độ ưu tiên (Priority): **Ưu tiên cao** (High), **Bình thường** (Normal) hay **Ưu tiên thấp** (Low). Dùng ⁀ hoặc ⁔ để di chuyển, **Chọn** (Select) để chọn.
5. Dùng **Chọn** (Select) để chọn, máy sẽ yêu cầu nhập hạn cuối để hoàn thành công việc. Nếu không muốn nhập hạn cuối, dùng phím **Bỏ qua** (Skip)
6. Bấm **OK** (Yes) để lưu công việc.

Sửa việc cần làm

Sau khi đã lưu các việc vào máy, mỗi khi bạn vào menu **Việc cần làm** (To do list - Menu 5.2), các việc đã lưu sẽ được hiển thị cùng với trạng thái và mức độ ưu tiên (biểu thị ưu tiên cao, biểu thị bình thường, và biểu thị ưu tiên thấp).

Để ...	**Thực hiện ...**
Xem nội dung việc cần làm	- Di chuyển đến việc. - Bấm phím **Xem** (View). - Dùng hoặc để cuộn màn hình lên xuống.
Thay đổi trạng thái việc	- Di chuyển đến việc. - Bấm phím để đánh dấu là việc đã hoàn thành. hoặc: - Di chuyển đến việc. - Bấm phím **Lựa chọn** (Options). - Chọn tuỳ chọn **Đánh dấu**(Mark) - Chọn trạng thái **Việc đã làm** (Done) hoặc **Việc chưa làm** (Undo)
Tạo việc mới	- Bấm phím **Lựa chọn** (Options). - Chọn tuỳ chọn **Tạo mới** (New) - Nhập nội dung, mức độ ưu tiên và hạn cuối cho việc.
Sửa việc hiện tại	- Di chuyển đến việc. - Bấm phím **Lựa chọn** (Options). - Chọn tuỳ chọn **Sửa đổi** (Edit) - Thay đổi nội dung, mức độ ưu tiên và hạn cuối cho việc.

Để ...	**Thực hiện ...**
Sắp xếp các việc theo thứ tự ưu tiên hoặc trạng thái	- Bấm phím **Lựa chọn** (Options). - Chọn tuỳ chọn **Sắp xếp** (Sort) - Chọn tiêu chí để sắp xếp (Ưu tiên cao, thấp, việc đã làm hay chưa làm)
Chép việc	- Bấm phím **Lựa chọn** (Options). - Chọn tuỳ chọn **Sao chép** (Copy) - Thay đổi nội dung, mức độ ưu tiên và hạn cuối cho việc nếu cần.
Chép việc vào lịch	- Di chuyển đến việc. - Bấm phím **Lựa chọn** (Options). - Chọn tuỳ chọn **Chép vào lịch** (Copy to Calendar) - Thay đổi nội dung, mức độ ưu tiên và hạn cuối cho việc nếu cần.
Xoá việc	- Di chuyển đến việc. - Bấm phím **Lựa chọn** (Options). - Chọn tuỳ chọn **Xoá** (Delete)
Xoá tất cả các việc	- Bấm phím **Lựa chọn** (Options). - Chọn tuỳ chọn **Xoá toàn bộ** (Delete All) - Xác nhận việc xoá bằng phím **OK**.
Thoát khỏi menu	- Bấm phím **Lựa chọn** (Options). - Chọn tuỳ chọn **Thoát** (Exit)

Thời gian (Time & Date) *Menu 5.3*

Menu này cho phép bạn chỉnh ngày giờ cho điện thoại, và xem giờ GMT cũng như quốc tế của 21 thành phố lớn trên thế giới. Có các tuỳ chọn như sau:

Cài đặt giờ (Set Time) Cho phép bạn chỉnh giờ đồng hồ của điện thoại. Bạn có thể thay đổi dạng thức cho giờ trong menu **Dạng thức** (Time Format - Menu 5.3.4).

Chú ý: Trước khi chỉnh giờ, bạn phải chỉnh múi giờ như trong menu Giờ quốc tế (World Time - Menu 5.3.3)

Cài đặt ngày (Set Date) Cho phép bạn chỉnh ngày tháng của đồng hồ trong điện thoại.

Giờ quốc tế (World time) Điện thoại hiển thị trong menu này giờ GMT và giờ của 21 thành phố lớn trên thế giới. Dùng **(** và **)** để di chuyển.

Màn hình hiển thị:

- Tên thành phố
- Ngày và giờ hiện tại
- Chênh lệch thời gian giữa thành phố hiện tại với thời gian nơi bạn ở hoặc với giờ GMT (mặc định)

Để chọn múi giờ mình đang sống, thực hiện như sau:

1. Chọn thành phố có cùng múi giờ bằng **(** hoặc **)**. Đối với Việt nam, chọn Hà nội. Điện thoại hiển thị ngày giờ địa phương.
2. Bấm **Chọn** (Set) để chọn.

Dạng thức (Time Format) Cho phép bạn chọn dạng thức hiển thị thời gian giữa 12h và 24h.

Báo thức (Alarm) *Menu 5.4*

Bạn có thể chọn báo thức cũng như cài đặt để điện thoại tự động bật nguồn và báo thức trong menu này (chọn **Bật** (Enable) cho tùy chọn **Tự bật nguồn** (Autopower)).

Bạn có các tùy chọn sau:

Báo một lần (Once Alarm): báo thức một lần.

Báo hàng ngày (Daily Alarm): báo thức mỗi ngày một lần vào cùng thời điểm.

Báo thức sáng (Morning Call): báo thức buổi sáng.

Muốn cài đặt báo thức, thực hiện như sau:

1. Chọn 1 trong 3 loại báo thức trên.
2. Nhập giờ cần báo thức
3. Bấm **OK** để xác nhận.
4. Nếu bạn chọn **Báo thức sáng** trong bước 1, chọn các ngày báo thức thứ hai đến thứ sáu (T2-T6) hoặc thứ hai đến thứ 7 (T2-T7).

Xoá báo thức (Remove Alarm): xoá các báo thức đã cài đặt.

Tự bật nguồn (Autopower): Nếu bạn **Bật** (Enable) tùy chọn này, điện thoại sẽ báo thức ngay cả khi đang trong trạng thái tắt nguồn. Nếu bạn **Tắt** (Disable), điện thoại sẽ không báo chuông nếu đang ở trạng thái tắt khi cần báo thức.

Khi điện thoại báo thức, mở điện thoại và bấm phím **Thoát** (Exit) hoặc phím để tắt.

Chú ý: Bạn vẫn tắt được báo thức khi đang khoá bàn phím. Sau khi tắt, điện thoại mở bàn phím và tự động tắt lại sau khoảng thời gian được cài đặt trong tùy chọn **Tự động khoá phím** (Auto Key Lock - Menu 4.2.3).

Trong khi cài đặt hoặc xem báo thức, bạn có các tùy chọn sau khi bấm phím mềm **Lựa chọn** (Options):

Xoá báo thức (Remove Alarm): xoá báo thức hiện tại.

Âm báo thức (Alarm Sound Set): chọn chuông báo thức.

Máy tính (Calculator) *Menu 5.5*

Điện thoại của bạn có thể dùng như một máy tính có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia. Cách sử dụng như sau:

1. Nhập số đầu tiên dùng các phím số.
2. Dùng phím meu phải để chọn phép tính: cộng (+), trừ (-), nhân (*), chia (/).
3. Nhập số thứ 2.
4. Lặp lại các bước từ 1 đến 3 nếu cần cho đến khi nhập xong các số.

Chú ý: Để xoá, bấm phím C.

Để nhập dấu thập phân hoặc dấu ngoặc đơn (), dùng phím menu trái.

5. Nhập dấu bằng (=) bằng phím để xem kết quả.

Đổi tiền (Currency Exchange) *Menu 5.6*

Menu này dùng để chuyển đổi các đơn vị tiền tệ. Giả sử bạn muốn chuyển đổi từ USD sang VND, thực hiện như sau:

1. Nhập tỉ giá của đồng USD và bấm phím mềm **OK**. Bạn có thể nhập dấu phẩy (thập phân) bằng phím *.
2. Nhập số tiền USD bạn muốn chuyển đổi và bấm phím mềm **OK**. Điện thoại sẽ hiển thị cả giá trị gốc bằng USD và giá trị tương đương bằng VND.
5. Bấm phím mềm **Thoát** (Exit) để thoát khỏi menu Đổi tiền.

Chú ý là máy thực hiện chuyển đổi từ nội tệ ra ngoại tệ, vì vậy trong ví dụ trên, đồng USD được coi như nội tệ.

Dịch vụ mạng (Network Services)

Menu 6

Các dịch vụ mạng trong phần này tùy thuộc nhiều vào nhà cung cấp mạng. Xin liên hệ Vinaphone hay Mobifone để biết thêm chi tiết.

Chuyển cuộc gọi (Call Diverting)

Menu 6.1

Khi đang nghỉ hè, có lẽ bạn muốn tự động chuyển các cuộc gọi mang tính chất công việc sang một đồng nghiệp để giải quyết. Chức năng chuyển cuộc gọi sẽ giúp bạn làm việc đó: các cuộc gọi đến sẽ được tổng đài tự động chuyển sang số khác do bạn định trước.

Dịch vụ này có các tùy chọn sau:

Luôn luôn chuyển (Divert Always): chuyển tất cả các cuộc gọi sang số mới.

Chuyển khi bận (Busy): chỉ chuyển nếu máy bạn đang bận.

Khi không trả lời (No Reply): chỉ chuyển nếu không ai nhấc máy.

Khi mất sóng (Unreachable): chỉ chuyển nếu bạn ngoài vùng phủ sóng hoặc tắt máy.

Huỷ bỏ tất cả (Cancel All): tắt chức năng chuyển cuộc gọi.

Bạn còn có thể định chức năng chuyển cuộc gọi riêng cho từng loại cuộc gọi: cuộc gọi thường (voice call), fax hay chuyển dữ liệu.

Ví dụ: bạn có thể chuyển hướng :
- tất cả các cuộc gọi fax đến máy fax công ty của bạn.
- tất cả các cuộc gọi thoại cho đồng nghiệp của bạn
- chỉ các cuộc gọi số liệu

Để chuyển cuộc gọi, tiến hành theo các bước sau:

1. Dùng ⁀ hoặc ⁀ và phím mềm **Chọn** (Select) đểchọn giữa các cách thức chuyển (Divert Always, Busy ...).

2. Dùng ⁀ hoặc ⁀ và **Chọn** (Select) để chọn giữa các cuộc gọi cần chuyển (thoại, fax ...)

   Điện thoại hiển thị trạng thái chuyển cuộc gọi hiện tại. Nếu đã cài đặt chuyển cuộc gọi, số điện thoại bạn chuyển cuộc gọi đến sẽ được hiển thị.

3. **Để ...**	**Bấm phím ...**
Bật chuyển cuộc gọi	**Bật** (Activate) và sang bước 4.
Thay đổi số điện thoại để chuyển cuộc gọi đến	**Thay đổi** (Change) và sang bước 4.
Tắt chuyển cuộc gọi	**Hủy bỏ** (Remove)

4. Nhập số điện thoại của người bạn muốn chuyển cuộc gọi đến và bấm **OK**. Nếu muốn nhập số điện thoại quốc tế, bấm và giữ 0 + cho đến khi màn hình hiển thị dấu + (tương đương với 00: điện thoại quốc tế).

5. Nếu trong bước 1 bạn chọn **Khi không trả lời** (No Reply), chọn số lần điện thoại đổ chuông trước khi chuyển cuộc gọi và bấm phím **Chọn** (Select).

   Máy sẽ gửi yêu cầu của bạn đến Tổng đài và sẽ hiển thị thông báo của Tổng đài.

   Bạn có thể tắt chức năng chuyển cuộc gọi bằng tùy chọn **Hủy bỏ tất cả** (Cancel All).

Khoá cuộc gọi (Call Barring) *Menu 6.2*

Dịch vụ này cho phép bạn hạn chế các cuộc gọi đi và gọi đến.

Mọi cuộc gọi đi (All outgoing): Khoá tất cả các cuộc gọi đi.

Gọi quốc tế (International): Khoá tất cả các cuộc gọi đi quốc tế.

Khoá quốc tế trừ gọi về nhà (International except to home): Khoá tất cả các cuộc gọi quốc tế trừ gọi về nhà.

Mọi cuộc gọi đến (All incoming): Khoá tất cả các cuộc gọi đến.

Khoá gọi đến khi ở nước ngoài (Incoming while abroad): Khoá tất cả các cuộc gọi đến khi bạn ở nước ngoài.

Hủy bỏ tất cả (Cancel All): Hủy bỏ chế độ khóa, cho phép tất cả các cuộc gọi đi và đến.

Bạn có thể khoá:

- chỉ các cuộc gọi fax.
- chỉ các cuộc gọi thoại
- chỉ các cuộc gọi số liệu

Cách thực hiện khoá cuộc gọi:

1. Dùng ⁀ hoặc ⁀ và phím mềm **Chọn** (Select) để chọn giữa các cách thức khoá (All outgoing, International ...).
2. Dùng ⁀ hoặc ⁀ và phím mềm **Chọn** (Select) để chọn giữa các cuộc gọi cần khoá.

3. Bấm phím **Bật** (Activate) để xác nhận việc khoá cuộc gọi.
4. Điện thoại sẽ yêu cầu bạn nhập mã khoá cuộc gọi do mạng điện thoại di động cung cấp.

   Máy sẽ gửi yêu cầu của bạn đến Tổng đài và sẽ hiển thị thông báo của Tổng đài.

Muốn bỏ việc khoá cuộc gọi nói trên, tiến hành như sau:

1. Chọn cách thức chuyển cuộc gọi mà bạn muốn xoá (All outgoing, International ...).
2. Chọn giữa các cuộc gọi mà bạn không muốn khoá nữa
3. Bấm phím **Tắt** (Deactivate) để chấm dứt khoá cuộc gọi.
4. Điện thoại sẽ yêu cầu bạn nhập mã khoá cuộc gọi do mạng điện thoại di động cung cấp.

Máy sẽ gửi yêu cầu của bạn tới Tổng đài và sẽ hiển thị thông báo của Tổng đài.

Bạn cũng có thể tắt chức năng khoá tất cả các cuộc gọi bằng tùy chọn **Hủy bỏ tất cả** (Cancel All).

Đổi mã khoá cuộc gọi (Change Barring Password): Menu phụ này cho phép thay đổi mã để khoá các cuộc gọi. Máy sẽ yêu cầu bạn nhập đúng mã cũ và nhập mã mới 2 lần để tránh sai sót.

Giữ cuộc gọi (Call Waiting) *Menu 6.3*

Chức năng giữ cuộc gọi cho phép bạn nhận được các cuộc gọi khác ngay trong lúc đang đàm thoại. Điều này có nghĩa là bạn có thể cùng lúc đàm thoại với nhiều cuộc gọi khác nhau. Muốn sử dụng, bạn cần đăng ký dịch vụ này với nhà cung cấp mạng.

Bạn có thể giữ:

- chỉ các cuộc gọi fax.
- chỉ các cuộc gọi thoại
- chỉ các cuộc gọi số liệu

Cách cài đặt:

1. Dùng ⁀ hoặc ⁔ di chuyển đến loại cuộc gọi bạn muốn giữ và **Chọn** (Select) để chọn. Điện thoại sẽ hiển thị trạng thái giữ cuộc gọi cho loại cuộc gọi bạn chọn (đã cài đặt hay chưa).
2. Bật hay tắt chức năng giữ cuộc gọi bằng 2 phím **Bật** (Activate) và **Tắt** (Deactivate).

Để thoát về menu trước, bấm phím **Thoát** (Exit).

Bạn có thể hủy bỏ chế độ giữ cuộc gọi bằng cách chọn tùy chọn **Hủy bỏ tất cả** (Cancel All).

Lựa chọn mạng (Network Selection) *Menu 6.4*

Khi ở nước ngoài, sóng của nhà cung cấp mạng của bạn sẽ không có nhưng sẽ có sóng của một vài nhà cung cấp mạng khác. Nếu nhà cung cấp mạng của bạn ký hợp đồng với các mạng này, điện thoại của bạn sẽ đăng ký vào một trong các mạng và bạn vẫn sử dụng điện thoại được như bình thường (dịch vụ này gọi là roaming). Menu **Lựa chọn mạng** cho phép bạn xác lập cách thức và thứ tự các mạng điện thoại của bạn đăng ký.

Để chọn cách thức lựa chọn mạng, thực hiện như sau:

1. Vào menu **Lựa chọn mạng** (Network Selection) và bấm menu **Chọn** (Select).
2. Dùng ⌒ hoặc ⌣ di chuyển đến tùy chọn bạn muốn và **OK** để chọn. Nếu bạn chọn:
   - **Tự động** (Automatic): điện thoại tự động chọn mạng.
   - **Không tự động** (Manual): điện thoại tìm các mạng có phủ sóng. Làm tiếp bước 3:
3. Dùng ⌒ hoặc ⌣ để di chuyển đến mạng bạn muốn và bấm **OK** để chọn. Bạn sẽ được đăng ký vào mạng ấy.

Giấu số (Caller ID) *Menu 6.5*

Khi bạn gọi điện thoại nếu muốn hoặc không muốn số điện thoại của bạn hiện lên trên màn hình của điện thoại được gọi, bạn có thể thay đổi các tuỳ chọn trong menu này. Có các tuỳ chọn sau đây:

Mặc định (Default): mặc định (theo mạng)

Giấu số (Hide Number): Số điện thoại của bạn không hiển thị trên màn hình của điện thoại được gọi tới.

Hiển thị số (Send Number): Hiển thị số điện thoại của bạn.

Chú ý: Các mạng ở Việt Nam chưa cho phép sử dụng tính năng này với các thẻ SIM bình thường. Việc chọn giấu số khi thẻ SIM không có chức năng này có thể làm cuộc gọi không thực hiện được.

Gọi nhóm (Closed User Group) *Menu 6.6*

Đây là dịch vụ mạng, cho phép giới hạn cuộc gọi đi của máy tới một nhóm chỉ định trước. Ví dụ để tiết kiệm chi phí, các thành viên một phòng trong công ty chỉ được gọi cho nhau, không được gọi ra ngoài. Nhóm khép kín có thể gồm nhiều nhất là 10 thành viên.

Để thiết lập và sử dụng nhóm khép kín, xin liên hệ với nhà cung cấp mạng.

Lần đầu tiên vào menu **Gọi nhóm** (Closed User Group), bạn có các tùy chọn sau khi bấm phím **Chọn** (Select):

Danh mục nhóm (Index List): hiển thị danh sách các chỉ mục nhóm, trong đó bạn có thể thêm bớt các nhóm (với sự hướng dẫn của nhà cung cấp mạng).

Để ...	**Bấm phím ...**
Di chuyển trong danh mục nhóm	⁀ hoặc ⁀
Thêm một chỉ mục nhóm	**Lựa chọn** (Options), chọn tùy chọn **Thêm** (Add), rồi nhập chỉ mục nhóm.
Xoá một chỉ mục nhóm	**Lựa chọn** (Options), rồi chọn tùy chọn **Xoá** (Delete)
Bật chỉ mục nhóm	**Lựa chọn** (Options), rồi chọn tùy chọn **Bật** (Activate).

Gọi ra ngoài (Outside Access): cho phép các cuộc gọi ra ngoài hay không (tùy thuộc vào mạng).

Nhóm mặc định (Default Group): nếu đã báo nhóm khép kín mặc định cho nhà cung cấp mạng, bạn có thể xác lập tùy chọn này. Khi gọi đi, máy sẽ hỏi có dùng nhóm khép kín mặc định hay không.

Giải trí (Fun Box) *Menu 7*

Đây là menu chứa các trò chơi giải trí của điện thoại.

Trò chơi (Games) *Menu 7-1*

Điện thoại có 2 trò chơi. Bạn dùng phím ⁀ hoặc ⁀ để di chuyển giữa các trò chơi, và **Chọn** (Select) để chọn trò chơi.

Trong các trò chơi có các tùy chọn sau:

New Game: Bắt đầu chơi lại

High Score: "thành tích kỷ lục" những người đi trước.

Key Info: hướng dẫn cách sử dụng các phím.

Continue: cho phép bạn chơi tiếp một trò chơi đang tạm dừng (**Pause**) hoặc một ván chơi đã được lưu lại.

Khi đang chơi, các phím có ý nghĩa như sau:

Để …	**Bấm phím …**
Tạm dừng trò chơi hoặc chơi tiếp	C
Thoát và lên menu trước đó.	⏻

Khi chơi xong, nếu "thành tích" của bạn thuộc loại cao (1 trong 5 người cao nhất), máy sẽ cho phép bạn lưu tên (dưới 10 ký tự).

Trình duyệt WAP (Browser Settings) *Menu 7.2*

Điện thoại có một trình duyệt WAP để bạn thoả sức duyệt Internet.

Trang chủ (Home) *Menu 7.2.1*

Tùy chọn này sẽ kết nối điện thoại với Internet và tải về điện thoại trang chủ của nhà cung cấp mạng.

Nội dung trang Web sẽ tùy thuộc nhà cung cấp mạng. Để di chuyển, dùng các phím ⌒ hoặc ⌣.

Chú ý: trong khi đang duyệt Web, bạn có thể quay về trang chủ này bất cứ lúc nào bằng tuỳ chọn **Trang chủ** (Home). Xin xem trang 113 để biết thêm về trình duyệt WAP.

Cách thức sử dụng trình duyệt:

Để ...	**Bấm phím ...**
Di chuyển và chọn các mục trong trình duyệt	⌒ hoặc ⌣ cho đến khi dấu ▶ chỉ đến mục muốn chọn, hoặc mục muốn chọn được đánh dấu, sau đó bấm **OK** để chọn.
Chọn trong danh sách có đánh số.	phím số tương ứng.
Quay về trang trước	**Trở về** (Back) hoặc C.
Quay về trang ban đầu	**Trang chủ** (Home); xem trang 113 để biết thêm về tùy chọn này.

Để ...	Bấm phím ...
Thay đổi chế độ nhập chữ	C một vài lần
Nhập khoảng trắng	*
Sửa văn bản	1. Đưa con trỏ đến bên phải ký tự sai cần sửa. 2. Bấm phím C để xoá. 3. Nhập lại ký tự đúng.

Chú ý: Xin xem trang 42 để biết chi tiết về cách nhập chữ.

Thoát khỏi trình duyệt

Bạn thoát khỏi trình duyệt bằng phím ⏻ bất cứ lúc nào.

Chọn và dùng các tùy chọn của trình duyệt

Khi bạn đang dùng trình duyệt để duyệt Web, bạn có nhiều tùy chọn. Để dùng tùy chọn, thực hiện như sau:

1. Bấm phím *. Màn hình hiển thị một menu mới.
2. Di chuyển đến tùy chọn cần thiết bằng phím ▬ hoặc ▬.
3. Chọn tùy chọn bằng phím mềm ✓.

4. Nếu trong tùy chọn lại còn các tùy chọn phụ, dùng các phím ⁀ hoặc ⁀ để di chuyển và phím mềm ✓ để chọn.

Chú ý: Các menu có thể thay đổi theo bản phần mềm của trình duyệt.

Thành phần các menu như sau:

1. **Trở về** (Back): quay về trang trước
2. **Trang chủ** (Home): về trang chủ của nhà cung cấp mạng.
3. **Thoát** (Exit): thoát khỏi trình duyệt
4. **Lưu vào Trang hay dùng** (Mark Site): lưu địa chỉ trang đang xem vào **Trang hay dùng**.
5. **Trang hay dùng** (Bookmarks): danh sách các trang hay dùng.
6. **Hộp thư đến** (Inbox): lưu các thông báo của Web.
7. **Lưu hình** (Save Image): lưu hình trên trang hiện tại. Bạn có thể xem lại hình đã lưu trong menu **Tranh ảnh** (Pictures - Menu 7.3.3)

1. **Tải lại** (Reload): tải lại nội dung trang đang xem.
2. **Cài đặt** (Settings): cài đặt một số chức năng và tùy chọn sau:

   Trang chủ (Home page): thay đổi trang chủ mặc định

   Proxy: thay đổi proxy server mà không tắt trình duyệt WAP.

Circuit prompt: cài đặt thông báo của điện thoại khi bắt đầu lướt WAP. Nếu bạn chọn **Bật** (On), điện thoại sẽ thông báo, nếu chọn **Tắt** (Off), điện thoại không thông báo khi bắt đầu lướt WAP.

Circuit Linger: cài đặt thời gian chờ cho kết nối mạng nếu mạng không trả lời ngay lập tức. Thời gian chờ mặc định là **60 giây** (sec).

Scroll mode: chọn 1 trong 2 cách cuộn màn hình là Block và Smooth.

Scroll speed: chọn tốc độ cuộn màn hình trong ba tốc độ **Nhanh** (Fast), **Vừa** (Medium) và **Chậm** (Slow).

Key Press Timeout: khi nhập chữ, sau khi bấm phím một thời gian, con trỏ tự động di chuyển sang phải để bạn nhập ký tự kế tiếp. Trong tùy chọn này, bạn chọn tốc độ để con trỏ di chuyển sang phải giữa các tốc độ **Nhanh** (Fast), **Vừa** (Medium) và **Chậm** (Slow).

Security: hiển thị các cài đặt an ninh như Connection Prompt (thông báo kết nối), Secure Prompt (thông báo an ninh), Current Certificate (chứng thực hiện tại) và Encryption (mã hoá).

Advanced: hiển thị địa chỉ Web hiện tại và khởi động lại mà không thoát ra khỏi trình duyệt.

3. **About ...**: hiển thị phiên bản của trình duyệt và WIM (WAP Identity Module).

Trang hay dùng (Favorite) *Menu 7.2.2*

Bạn có thể lưu những địa chỉ WAP thường truy cập trong menu này để tiện truy cập lần sau. Cách truy cập nhanh menu này là bấm và giữ phím 9 khi đang bật trình duyệt.

Để lưu một địa chỉ vào Trang hay dùng, thực hiện như sau:

1. Chọn một vị trí còn trống và bấm phím mềm **Chọn** (Options).
2. Nhập địa chỉ WAP của trang hay dùng (ví dụ "wap.ft.com") và bấm phím mềm **Nhập** (Enter)
3. Nhập tên trang hay dùng (ví dụ "Financial Times") và bấm phím mềm **OK**.

Sau khi lưu trang hay dùng, bạn có các tùy chọn sau khi bấm phím mềm **Chọn** (Options):

Truy cập trang (Go to URL): truy cập địa chỉ trang hay dùng.
Sửa đổi (Edit): sửa địa chỉ trang hay dùng.
Xoá bỏ (Delete): xoá trang hay dùng (để lưu trang khác chẳng hạn).

http:// *Menu 7.2.3*

Menu này cho phép bạn nhập thẳng địa chỉ trang Web muốn truy cập. Cách truy cập nhanh menu này là bấm và giữ phím * khi đang bật trình duyệt.

Giả sử bạn muốn truy cập trang WAP của Financial Times để xem tin tức. Bạn vào menu phụ này, sau đó nhập: ***wap.ft.com***. Nếu mạng tốt, điện thoại sẽ đưa bạn đến với Financial Times như ý muốn.

Để biết cách nhập chữ, xin xem chi tiết trang 42.

Cài đặt (Settings) *Menu 7.2.4*

Để truy cập WAP, bạn phải mở tài khoản WAP tại nhà cung cấp mạng. Tại đây, bạn sẽ được hướng dẫn cài đặt các thông số cần thiết, được gom thành từng nhóm gọi là proxy. Bạn có thể cài đặt nhiều nhất là 5 proxy và chọn 1 trong số đó để dùng.

Mỗi proxy cần có những thông tin sau:

Thông tin	Ý nghĩa
Tên cấu hình	Tên bạn đặt cho proxy
Trang chủ	Địa chỉ của trang chủ mặc định. Bạn có thể xoá trang chủ mặc định này bằng phím và nhập trang tùy ý.
Bảo mật dữ liệu	Mức độ an ninh của việc truyền dữ liệu. Nếu cần bảo vệ dữ liệu gửi đi và nhận về, bạn chọn **Secure** (Bảo mật), nếu không, chọn **Non-Secure** (Không bảo mật).
Địa chỉ IP	Địa chỉ IP của máy chủ WAP
Trạm trung chuyển	Trạm trung chuyển cho các loại địa chỉ mạng: GPRS hoặc Data.

Các tùy chọn còn lại, tùy thuộc vào trạm trung chuyển. Nếu trạm trung chuyển là Data, các tùy chọn như sau:

Thông tin	Ý nghĩa
Tên người dùng	Tên, ID của người sử dụng.
Mật mã	Mật mã của người sử dụng.

Thông tin	Ý nghĩa
Số ĐT truy cập	Số điện thoại của máy chủ PPP.
Loại dữ liệu	**Tương tự** (analogue) hoặc **ISDN**

Nếu trạm trung chuyển là **GPRS**, các tùy chọn như sau:

Thông tin	Ý nghĩa
Tên người dùng	Tên, ID của người sử dụng trong mạng GPRS.
Mật mã	Mật mã của người sử dụng trong mạng GPRS.
APN	Tên của Access Point, dùng làm địa chỉ cho cổng GPRS.

Chú ý: Các cài đặt WAP thay đổi tùy theo nhà cung cấp mạng. Xin liên hệ nhà cung cấp mạng để biết thêm chi tiết.

Xoá bộ nhớ đệm (Clear Cache) *Menu 7.2.5*

Các trang Web mới truy cập nhất được lưu vào bộ nhớ đệm. Bạn có thể xoá các thông tin này để tránh cho người khác xem. Khi xoá, điện thoại sẽ yêu cầu bạn xác nhận việc xoá bằng phím **OK** (Yes), nếu không muốn xoá, chọn **Không** (No).

Tải về (Downloads) *Menu 7.3*

Trên Web có rất nhiều ứng dụng nhỏ viết bằng Java cho điện thoại di động gọi là MIDlets. Khi lướt Web, bạn có thể lưu các ứng dụng này về máy. Các ứng dụng này được lưu trong menu **Trò chơi** (Games & More Menu 7.3.1)

Chú ý: Một số nhà cung cấp mạng không cung cấp dịch vụ Java.

Trò chơi (Games & More) *Menu 7.3.1*

Đây là nơi bạn sử dụng các ứng dụng được tải về từ Internet.

Sử dụng ứng dụng

1. Vào menu **Tải về** (Downloads) và chọn tùy chọn **Trò chơi** (Games & More).
2. Di chuyển đến ứng dụng tùy ý và bấm phím mềm **Launch**.

Sử dụng Menu

Bạn bấm phím mềm **Menu** để có các tùy chọn sau:

Info*: hiển thị thông tin về ứng dụng hiện tại, ví dụ như kích thước file, bản phần mềm, nhà sản xuất, nơi lưu file JAD (file thông tin của ứng dụng).

Hủy bỏ (Remove)*: xoá ứng dụng hiện tại. Điện thoại sẽ yêu cầu bạn xác nhận việc xoá bằng phím mềm **Hủy bỏ** (Remove), nếu không muốn xoá, bấm phím mềm **Thoát** (Cancel).

** Chỉ hiện thị khi đã tải MIDlet về.*

Nhập chữ Khi cần nhập chữ, màn hình sẽ hiển thị chế độ nhập. Xem trang 42 để biết thêm chi tiết về cách nhập chữ.

Âm thanh (Sounds) *Menu 7.3.2*

Các chuông bạn tải về từ mạng sẽ được lưu lại tại đây. Bạn có thể chọn chuông làm chuông báo, nhưng không thể gửi chuông đến các điện thoại khác.

Khi bộ nhớ đầy, điện thoại sẽ hiển thị thông báo và bạn không lưu thêm chuông được nữa cho đến khi xoá bớt một số chuông đã lưu.

Tranh ảnh (Pictures) *Menu 7.3.3*

Các hình ảnh bạn tải về từ mạng sẽ được lưu lại tại đây. Bạn có thể chọn hình làm màn hình nền, nhưng không thể gửi đến các điện thoại khác.

Khi bộ nhớ đầy, điện thoại sẽ hiển thị thông báo và bạn không lưu thêm hình ảnh được nữa cho đến khi xoá bớt một số hình ảnh đã lưu.

Cài đặt DNS (DNS Settings) *Menu 7.3.4*

DNS (Domain Name Server) của máy chủ Java được cài đặt sẵn khi sản xuất, nhưng bạn vẫn có thể thay đổi địa chỉ DNS. Menu này là nơi bạn thực hiện việc thay đổi ấy.

Hỏi đáp

Nếu có vấn đề với điện thoại, xin đọc kỹ phần hỏi đáp dưới đây vì nhiều khi bạn có thể giải quyết vấn đề dễ dàng mà không cần đến tư vấn kỹ thuật.

Khi bật điện thoại, máy báo như sau:

Insert SIM card

Kiểm tra lại việc gắn thẻ SIM.

Phone locked Enter Password

Điện thoại có dùng chức năng khoá điện thoại, bạn phải nhập mã điện thoại (mặc định là 00000000) trước khi dùng.

Enter PIN

Hoặc bạn mới dùng điện thoại lần đầu, hoặc chức năng hỏi mã PIN đã được bật để bảo vệ thẻ SIM. Bạn phải nhập mã PIN để sử dụng điện thoại (liên hệ nhà cung cấp mạng để biết mã PIN). Nếu không muốn điện thoại hỏi mã PIN mỗi lần bật, bạn có thể tắt chức năng này (xem menu **Hỏi mã PIN** - Menu 4.6.1).

Enter PUK

Bạn đã nhập mã PIN sai 3 lần liên tiếp, điện thoại đang khoá thẻ SIM của bạn. Bạn phải nhập mã PUK (đi kèm với thẻ SIM) để mở khoá thẻ SIM (liên hệ nhà cung cấp mạng để biết mã PUK).

No service, Network Failure hoặc Not done

- Điện thoại đang ở ngoài vùng phủ sóng, hoặc sóng yếu. Bạn thử di chuyển (ví dụ lại gần cửa sổ) và thử lại.
- Bạn đang thử một dịch vụ chưa đăng ký với nhà cung cấp mạng. Xin liên hệ với nhà cung cấp mạng.

Bạn nhập số nhưng điện thoại không gọi.

- Bạn đã bấm phím chưa?
- Bạn đã đăng ký vào đúng mạng di động chưa?
- Bạn có thể đã sử dụng dịch vụ khoá cuộc gọi đi (xem trang 105).
- Bạn có thể đã sử dụng chức năng giấu số (xem trang 109).

Người khác không gọi được bạn.

- Bạn đã bật điện thoại chưa? (Bấm và giữ phím)
- Bạn đã đăng ký vào đúng mạng di động chưa?
- Bạn có thể đã sử dụng dịch vụ khoá cuộc gọi đến (xem trang 105).

Người đàm thoại không nghe những gì bạn nói.

- Bạn có tắt micro không? (màn hình hiển thị **Mute**)
- Micro có ở gần miệng bạn không? (Micro ở phía dưới, bên phải điện thoại.)

Điện thoại kêu bíp bíp và màn hình nhấp nháy "Warning** Low Battery".**

- Pin sắp hết. Bạn phải sạc pin.

Bạn nghe không rõ những gì người bên kia nói.

- Xem độ mạnh của sóng. (Tmill) Càng nhiều gạch đen thể hiện sóng càng mạnh. Nếu sóng yếu, chất lượng cuộc gọi có thể kém.
- Thử di chuyển điện thoại chút ít hoặc lại gần cửa sổ nếu bạn đang ở trong phòng.

Khi bạn gọi từ danh bạ, điện thoại không gọi được

- Có thể bạn lưu sai số điện thoại trong danh bạ. Thử dùng chức năng **tìm kiếm** (Search) của danh bạ.
- Lưu lại số điện thoại trong danh bạ.

Nếu các hướng dẫn trên đây không đủ để bạn giải quyết vấn đề, xin hãy liên hệ với Dịch vụ bảo hành của Samsung hoặc của cửa hàng nơi bạn mua điện thoại. Trước đó, xin chuẩn bị phiếu bảo hành (nếu có), loại và số sê ri (IMEI) của điện thoại. Cố gắng trình bày vấn đề rõ ràng, ngắn gọn để các chuyên viên có thể đưa ra cách giải quyết tốt nhất.

Các loại khoá điện thoại

Điện thoại và thẻ SIM dùng một vài loại khoá để tránh việc sử dụng điện thoại không được phép của chủ nhân.

Khi được yêu cầu nhập khoá, bạn hãy bình tĩnh nhập đúng khoá và bấm phím mềm **OK**. Nếu nhập sai, dùng để sửa lại.

Các loại khoá điện thoại (trừ khoá PUK và PUK2) có thể thay đổi trong menu **Khoá máy** (Security Settings - Menu 4.6). Xin xem trang 86 để biết thêm chi tiết.

Chú ý: Không nên chọn khoá điện thoại là các số gọi khẩn cấp như 112 hoặc 113 để tránh gọi cấp cứu nhầm.

Mã bảo vệ máy (Phone password)

Đây là khoá điện thoại, mặc định là 00000000 khi sản xuất. Trước khi dùng, bạn nên thay mã bảo vệ máy. Giữ mã mới ở một nơi bí mật, không được lưu kèm với điện thoại.

Để ...	**Xem ...**
Bật/tắt chức năng **Khoá máy**	trang 87 (Menu 4.6.3)
Đổi mật mã (khoá máy)	trang 88 (Menu 4.6.4)

Mã PIN (PIN code)

Đây là khoá của thẻ SIM, được viết tắt từ chữ Personal Identification Number. Khi bạn mua thẻ SIM, nhà cung cấp mạng sẽ báo cho bạn biết mã này (4 đến 8 chữ số).

Nếu bạn nhập sai mã PIN 3 lần liên tiếp, điện thoại sẽ khoá thẻ SIM, bạn phải có mã PUK (Personal Unblocking Key) để giải mã.

Để ...	**Xem ...**
Bật/tắt chức năng **Hỏi mã PIN**	trang 87 (Menu 4.6.1)
Đổi mã PIN	(Menu 4.6.2) trang 87

Mã PUK (PUK code)

Mã **PUK** là mã của thẻ SIM, bạn phải có mã **PUK** (Personal Unblocking Key) để giải mã nếu nhập sai mã PIN 3 lần liên tiếp. Mã này đi kèm với thẻ SIM, nhà cung cấp mạng sẽ báo cho bạn biết khi mua thẻ. Mã PUK không thay đổi được, nếu làm mất, bạn hãy liên hệ với nhà cung cấp mạng để được báo lại.

Để mở khoá thẻ SIM, thực hiện như sau:

1. Nhập mã PUK và bấm phím mềm **OK**.
2. Nhập mã PIN mới tùy chọn và bấm phím mềm **OK**.
3. Khi điện thoại thông báo **Nhập lại mã PIN** (Confirm New PIN), bạn nhập lại mã PIN mới và bấm phím mềm **OK**.

Nếu bạn nhập sai mã PUK 10 lần liên tiếp, điện thoại sẽ khoá vĩnh viễn thẻ SIM. Nếu muốn sử dụng tiếp, bạn phải

liên hệ với nhà cung cấp mạng để mua thẻ SIM mới. Nhớ lưu cẩn thận 4 mã của thẻ SIM: PIN, PIN2, PUK, PUK2.

Mã PIN2 (PIN2 code)

Một số thẻ SIM có mã PIN2 (từ 4 đến 8 chữ số) dùng cho một vài chức năng đặc biệt như xoá bộ đếm điện thoại hay FDN. Nếu thẻ SIM không có mã PIN2, bạn không sử dụng được các chức năng này.

Nếu bạn nhập sai mã PIN2 3 lần liên tiếp, điện thoại sẽ khoá thẻ SIM, bạn phải có mã PUK2 để giải mã. Sau khi dùng mã PUK2 để giải mã, bạn sẽ thay mã PIN2, phải nhập mã PIN2 mới (tùy chọn) rồi bấm phím mềm **OK**, nhập lại mã PIN2 mới, rồi lại bấm phím mềm **OK**.

Để đổi mã PIN2, xem trang 89 (Menu 4.6.7).

Mã PUK2 (PUK code)

Giống như mã PUK, mã PUK2 là mã của thẻ SIM, bạn phải có mã PUK2 để giải mã nếu nhập sai mã PIN2 3 lần liên tiếp. Mã PUK2 cũng không thay đổi được, nếu làm mất, bạn hãy liên hệ với nhà cung cấp mạng để được báo lại.

Để mở khoá PIN2, thực hiện như sau:

1. Nhập mã PUK2 và bấm phím mềm **OK**.
2. Nhập mã PIN2 mới tùy chọn và bấm phím mềm **OK**.
3. Khi điện thoại thông báo **Nhập lại mã PIN2 mới** (Confirm New PIN2), bạn nhập lại mã PIN2 mới và bấm phím mềm **OK**.

Nếu bạn nhập sai mã PUK2 10 lần liên tiếp, điện thoại sẽ khoá vĩnh viễn các chức năng liên quan đến mã PIN2. Nếu muốn sử dụng các chức năng này, bạn phải liên hệ với nhà cung cấp mạng để mua thẻ SIM mới.

Mã khoá cuộc gọi (Barring Password)

Nếu bạn đăng ký dịch vụ **Khóa cuộc gọi** (Call Barring - Menu 6.2) với nhà cung cấp mạng, bạn sẽ nhận được mã khoá cuộc gọi gồm 4 chữ số. Khi sử dụng dịch vụ khoá cuộc gọi, bạn phải nhập mã số này.

Nếu muốn thay đổi mã khoá cuộc gọi, bạn dùng menu **Khoá cuộc gọi** (Call Barring - Menu 6.2). Xem trang 106 để biết thêm chi tiết.

Thông tin về ảnh hưởng sức khoẻ

Ảnh hưởng của sóng vô tuyến

Điện thoại của bạn đạt tiêu chuẩn an toàn của EU về ảnh hưởng của sóng vô tuyến với sức khoẻ con người.

Liên minh Châu Âu, trên cơ sở các nghiên cứu kỹ càng trong nhiều giai đoạn khác nhau của các cơ quan nghiên cứu độc lập, đưa ra một số hướng dẫn về ảnh hưởng của sóng vô tuyến đối với sức khoẻ con người. Các hướng dẫn này bao gồm cả một ngưỡng an toàn khá lớn để bảo đảm sóng vô tuyến hợp chuẩn là an toàn cho tất cả mọi người không phân biệt tuổi tác và giới tính. Tiêu chuẩn tiếp xúc dành cho điện thoại di động được đo bằng đơn vị SAR (Special Absorption Rate Tỉ lệ hấp thụ đặc trưng). Theo hướng dẫn của Liên minh Châu Âu, giới hạn cho phép của mức ảnh hưởng là 2.0W/kg*.

Điện thoại của bạn là một thiết bị thu phát vô tuyến nên phát ra năng lượng vô tuyến có thể ảnh hưởng đến sức khoẻ con người. Tuy nhiên, điện thoại được thiết kế để phù hợp với các hướng dẫn của Liên minh Châu Âu.

* Giới hạn SAR cho điện thoại di động là 2.0 watt/kilogramm (W/kg) trung bình trên 10 gram mô của cơ thể. Giới hạn này đã bao gồm một hệ số an toàn đáng kể để bảo đảm các sai số đo lường. Giới hạn SAR có thể thay đổi tùy yêu cầu từng nước và băng tần sử dụng.

Người ta đã tiến hành các thí nghiệm để đo độ ảnh hưởng của sóng điện thoại trong vị trí hoạt động bình thường, khi điện thoại hoạt động với công suất cao nhất, trong mọi tần số hoạt động. Ngay cả khi hoạt động với công suất cao nhất, mức ảnh hưởng của điện thoại cũng chỉ đạt 0.599W/kg, thấp hơn hẳn so với tiêu chuẩn của Liên minh Châu Âu. Có thể có chênh lệch giữa mức ảnh hưởng giữa các điện thoại và các vị trí sử dụng, các mức ảnh hưởng không bao giờ vượt quá tiêu chuẩn của Liên minh Châu Âu.

Cần nhớ rằng điện thoại được thiết kế để hoạt động với nhiều công suất khác nhau, và chỉ dùng công suất cần thiết để nối mạng. Nếu bạn ở càng gần trạm phát sóng, điện thoại sử dụng công suất càng thấp.

Sử dụng pin

Pin của điện thoại là pin Li-Ion. Nếu muốn, bạn có thể mua thêm các loại pin thường và pin mỏng. Xin liên hệ với đại lý của Samsung để biết thêm chi tiết.

Chú ý khi sử dụng pin

- Không được dùng lại pin hay sạc đã hỏng
- Chỉ sử dụng pin đúng mục đích
- Nếu bạn sử dụng điện thoại gần trạm thu phát sóng, điện thoại sẽ ít tốn pin hơn. Thời gian nói chuyện và thời gian chờ bị ảnh hưởng rất lớn bởi độ mạnh của sóng và các thông số mạng.
- Thời gian nạp pin tùy thuộc vào lượng điện năng còn lại trong pin và loại sạc. Bạn có thể nạp đi nạp lại hàng trăm lần, nhưng cuối cùng pin sẽ chai đi và không giữ được điện năng nữa. Nếu thời gian nói chuyện và thời gian chờ ngắn đi trông thấy, hãy mua pin khác.
- Nếu bạn không dùng pin, điện năng trong pin vẫn mất dần đi.
- Chỉ sử dụng pin và dùng các bộ sạc gốc của Samsung vì các linh kiện trôi nổi có thể làm hỏng điện thoại của bạn. Nếu không sạc, hãy rút sạc ra khỏi nguồn điện. Không nên sạc pin quá 1 tuần vì sạc nhiều quá có thể làm rút ngắn quãng đời của pin.

- Pin có thể bị ảnh hưởng bởi nhiệt độ quá nóng hay quá lạnh. Bạn có thể phải làm nguội hay làm nóng pin trước khi sạc và sử dụng.
- Không nên để pin ở những nơi quá nóng hay quá lạnh, ví dụ như trong ô tô mùa đông hay mùa hè, vì như vậy sẽ ảnh hưởng đến quãng đời của pin. Luôn cố gắng giữ pin ở nhiệt độ vừa phải 20-30 ^{0}C. Nếu pin quá nóng hoặc lạnh, điện thoại có thể không hoạt động ngay cả khi pin được sạc đầy. Nhiệt độ dưới 0^{0}C (32^{0}F) có ảnh hưởng lớn đến các pin Li-ion.
- Không được làm ngắn mạch pin vì như vậy pin có thể bị hỏng. Bạn có thể tình cờ làm ngắn mạch pin nếu mang pin dự trữ trong túi cùng với các đồ vật kim loại như bút máy hay tiền xu. Các cực của pin là các mảnh kim loại ở phía dưới pin.
- Không được vứt bỏ bừa bãi những pin cũ không còn sử dụng được, nhất là không được ném vào lửa vì có thể gây nổ. Nếu có điều kiện, hãy đưa cho các trung tâm tái chế.

An toàn khi lái xe

- Chú ý rằng khi đi đường, an toàn giao thông là trên hết!
- Không được dùng điện thoại di động khi lái xe, trừ khi bạn dùng bộ phụ kiện ô tô. Luôn dừng xe rồi hãy nói chuyện.
- Chú ý để điện thoại ở vị trí an toàn, ngay cả trong trường hợp phải dừng lại khẩn cấp hay đâm xe.
- Chỉ cho phép thợ chuyên trách lắp đặt và sửa chữa các bộ phận điện thoại trong ôtô. Samsung khô ng bảo hành các hư hỏng do lắp đặt không đúng qui cách.
- Các bộ phận điện tử như tự động châm nhiên liệu, chống trượt, bộ phận theo dõi điện tử có thể bị nhiễu do sóng điện thoại. Bạn hãy thường xuyên kiểm tra các bộ phận của điện thoại xem chúng có được lắp đặt đúng qui cách không và hoạt động có tốt không.

- Cho người cùng nói chuyện biết bạn đang lái xe. Nếu cần, dừng cuộc gọi khi tắc đường hoặc trong điều kiện thời tiết không đảm bảo. Mưa, mưa đá, tuyết, đường đóng băng và ngay cả tắc đường đều có thể gây sự cố.
- Không được ghi chép khi đang lái xe. Ngay cả những việc đơn giản như tìm số điện thoại hay xem lịch làm việc cũng làm bạn mất chú ý khi lái xe.
- Tốt nhất là hãy gọi các cuộc gọi cần thiết trước khi lên xe, hoặc đợi đến khi xe dừng hẳn (đợi qua phà ...) hãy gọi điện thoại.
- Ngay cả khi rất cần thiết phải gọi cũng nên tránh các vấn đề căng thẳng hoặc gay cấn dễ làm bạn mất bình tĩnh.
- Việc cướp điện thoại ngoài đường đôi khi xảy ra. Đừng để bạn phải thành nạn nhân.
- Khi gặp tai nạn, hoặc chứng kiến tai nạn, phải gọi ngay số cấp cứu.

Môi trường hoạt động

- Chú ý theo dõi các quy định về sử dụng điện thoại di động, tắt điện thoại khi không được phép sử dụng hoặc nếu sóng điện thoại có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm (ví dụ trong bệnh viện).
- Việc dùng các thiết bị sử dụng sóng vô tuyến, trong đó có điện thoại di động, có thể gây nhiễu cho các thiết bị y tế không được bảo vệ đầy đủ. Xin liên hệ với các bác sĩ hay nhà sản xuất các thiết bị y tế nếu bạn có nghi vấn. Các thiết bị điện tử khác cũng có thể bị ảnh hưởng.
- Giống như các thiết bị sử dụng sóng vô tuyến khác, bạn chỉ nên dùng điện thoại ở vị trí bình thường (áp vào tai).

Các thiết bị điện tử

Các thiết bị điện tử hiện đại được bảo vệ trước tín hiệu sóng radio. Tuy nhiên, một số thiết bị không được bảo vệ đúng mức trước sóng điện thoại di động. Bạn nên liên hệ với nhà sản xuất để tìm cách khắc phục.

Máy điều hoà nhịp tim

Các nhà sản xuất máy điều hoà nhịp tim khuyến cáo là phải giữ điện thoại cách máy điều hoà nhịp tim ít nhất 15 cm để tránh gây nhiễu cho máy. Những khuyến cáo này phù hợp với các nghiên cứu độc lập và các hướng dẫn của Wireless Technology Research.

Người dùng máy điều hoà nhịp tim phải:

- giữ điện thoại cách máy điều hoà nhịp tim ít nhất 15 cm
- không được mang điện thoại trong túi ngực, và
- dùng tai phía bên không đeo máy điều hoà nhịp tim để nghe điện thoại.

Nếu bạn nghi ngờ có nhiễu sóng, nên tắt điện thoại ngay.

Các thiết bị trợ thính

Một số điện thoại di động có thể ảnh hưởng đến các thiết bị trợ thính. Nếu bị ảnh hưởng, bạn nên liên hệ với nhà sản xuất để tìm cách khắc phục.

Các thiết bị y tế khác

Nếu bạn dùng một thiết bi y tế khác, bạn nên liên hệ với nhà sản xuất để biết thiết bị có được bảo vệ đầy đủ trước sóng radio không. Bác sĩ của bạn có thể giúp bạn có được thông tin này. Trong bệnh viện hay nhà điều dưỡng, tắt điện thoại nếu được chỉ dẫn như vậy. Bệnh viện hay nhà điều dưỡng có thể dùng các thiết bị bị ảnh hưởng bởi sóng vô tuyến.

Xe cộ

Sóng vô tuyến có thể ảnh hưởng đến các thiết bị điện tử không được lắp đặt hoặc bảo vệ đầy đủ trong xe. Bạn nên hỏi lại nhà sản xuất hoặc đại lý bán xe về các thiết bị này.

Khi lắp đặt thêm các thiết bị điện tử mới vào xe, bạn cũng nên kiểm tra lại với nhà sản xuất của các thiết bị này.

Những nơi có thông báo

Tại những nơi có thông báo cấm sử dụng điện thoại di động, bạn nên tuân theo các thông báo này để tránh phiền phức hoặc nguy hiểm.

Những nơi dễ cháy nổ

Không được sử dụng điện thoại tại các nơi dễ cháy nổ và phải tuyệt đối tuân theo các quy tắc và các biển báo. Các tia lửa ở những nơi như vậy có thể gây cháy nổ gây chấn thương hoặc chết người.

Không nên dùng điện thoại di động tại trạm xăng, và phải tuân theo các qui tắc nghiêm ngặt của kho nhiên liệu, kho xăng, kho hoá chất, nhà máy hoá chất hoặc nơi đang nổ mìn.

Các nơi dễ cháy nổ có thể là hầm tàu thủy, trạm xăng hoặc kho xăng, kho hoá chất, nhà máy hoá chất hoặc nơi đang nổ mìn, các ôtô dùng ga (propane, butane ...), ..., những nơi không khí có thể có hoá chất hoặc các phân tử khí hoặc bột kim loại, và những nơi bạn được khuyên tắt máy xe. Không được để các chất dễ cháy hay chất nổ cùng với điện thoại di động hoặc các linh kiện của điện thoại.

Điện thoại khẩn cấp

Chú ý: Điện thoại di động SGH-C100, cũng giống như các điện thoại di động khác, sử dụng sóng vô tuyến, các mạng di động và cố định để kết nối. Điện thoại không thể bảo đảm việc kết nối trong mọi lúc. Vì vậy, bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại di động nếu việc liên lạc là rất quan trọng, ví dụ trong trường hợp cấp cứu y tế.

Cần nhớ rằng để gọi và nhận điện thoại, bạn phải ở trong vùng phủ sóng và bật điện thoại.

Các cuộc gọi khẩn cấp có thể không thực hiện được nếu bạn đang dùng một số dịch vụ mạng hoặc chức năng của điện thoại. Xin liên hệ với nhà cung cấp mạng để biết thêm chi tiết.

Để thực hiện cuộc gọi khẩn cấp, tiến hành như sau:

1. Bật điện thoại (nếu đang tắt)
2. Nhập số 113 (công an tại Việt nam) hoặc số cấp cứu khác.
3. Bấm phím .

Nếu bạn đang sử dụng một số chức năng có thể làm ảnh hưởng đến cuộc gọi như Giấu số hay Khoá cuộc gọi, bạn phải tắt các chức năng này trước. Xem kỹ sách Hướng dẫn sử dụng này và liên hệ nhà cung cấp mạng để biết thêm chi tiết.

Cần cung cấp thông tin càng chi tiết càng tốt, và chỉ dừng cuộc gọi khi người đối thoại cho phép bạn làm như vậy.

Các thông tin quan trọng khác

Chỉ những nhân viên bảo hành chính hãng hoặc được ủy nhiệm mới được phép sửa chữa, lắp đặt điện thoại di động trong ôtô. Lắp đặt sai hoặc sửa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho điện thoại.

- Thường xuyên kiểm tra xem các thiết bị điện thoại vô tuyến trong xe có được lắp đặt và sử dụng đúng không.
- Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, ga hoặc chất nổ chung với điện thoại hoặc các phụ kiện điện thoại.
- Đối với ôtô có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khi khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Do đó, không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi nổ có thể gấy thương tật nghiêm trọng.

Bảo quản điện thoại

Điện thoại là một thiết bị kỹ thuật tinh xảo, vì vậy bạn nên bảo quản điện thoại cẩn thận. Các hướng dẫn sau đây sẽ giúp bạn thực hiện đúng các yêu cầu bảo hành và kéo dài tuổi thọ của điện thoại.

- Để điện thoại và các bộ phận điện thoại tránh xa trẻ nhỏ.
- Giữ điện thoại khô ráo. Mưa, độ ẩm cao và các dung dịch có khoáng chất có thể làm hỏng mạch điện tử bên trong.
- Không nên dùng hay để điện thoại ở nơi bẩn thỉu, bụi bặm vì như vậy có thể làm hỏng các bộ phận của điện thoại.
- Không nên dùng hay để điện thoại ở nơi quá nóng vì nhiệt độ cao có thể rút ngắn tuổi thọ của các linh kiện điện tử, làm hỏng pin, và làm méo mó hoặc chảy các bộ phận bằng nhựa.
- Không nên dùng hay để điện thoại ở nơi quá lạnh vì khi điện thoại nóng lên đến nhiệt độ bình thường, hơi ẩm có thể đọng lại trong điện thoại, làm hỏng mạch điện tử.

- Không nên thử tháo lắp điện thoại. Việc tháo lắp không đúng qui cách có thể làm hỏng điện thoại.
- Không được ném hay đập điện thoại.
- Không dùng hoá chất mạnh, dung dịch rửa hay bột giặt để rửa điện thoại. Dùng khăn ẩm có xà phòng lau nhẹ để làm sạch điện thoại.
- Nếu điện thoại hoặc một bộ phận nào đó không hoạt động tốt, mang đến trung tâm bảo hành của Samsung để thay hoặc sửa chữa. Không nên sửa chữa tại các dịch vụ không chính thức.

Từ điển thuật ngữ

Định nghĩa của một số từ kỹ thuật liên quan đến điện thoại di động được trình bày trong phần này.

Báo cuộc gọi đến

Khả năng báo cho người đang đàm thoại là có một người thứ 3 đang gọi đến.

Chuyển cuộc gọi

Khả năng chuyển cuộc gọi đến một số thứ 3 (di động hoặc cố định).

Cuộc gọi hội nghị

Khả năng cho phép (nhiều nhất là 5) người tham gia nghe và nói trong cùng một cuộc gọi.

Giấu số

Dịch vụ cho phép người dùng hiển thị hoặc không hiển thị số điện thoại của mình khi gọi trên màn hình máy người nhận cuộc gọi.

Giữ cuộc gọi

Khả năng giữ cuộc gọi để nghe một cuộc gọi khác đến hoặc gọi cho người thứ 3, sau đó bạn có thể chuyển qua lại giữa các cuộc gọi.

GSM (Global System for Mobile Communication)

Chuẩn điện thoại quốc tế cho dịch vụ viễn thông di động, bảo đảm tính tương thích giữa nhiều nhà cung cấp mạng. Hầu hết các nước châu Âu sử dụng chuẩn này.

GPRS (General Packet Radio Service)

Công nghệ truyền dữ liệu theo dạng gói, nâng cao tốc độ truyền dữ liệu. GPRS cho phép nhiều dịch vụ giá trị gia tăng như bảo đảm cho điện thoại hoặc máy tính kết nối liên tục với Internet. Công nghệ này dựa trên cơ sở công nghệ GSM, kết nối điện thoại di động chuyển mạch và dịch vụ tin nhắn (SMS).

Hai băng tần

Khả năng làm việc trong các mạng DCS (1800 MHz) và GSM (900 MHz). Điện thoại tự động chọn mạng có sóng mạnh nhất và có thể thay mạng ngay trong một cuộc gọi.

Hộp thư thoại

Máy trả lời tự động, có khả năng trả lời cuộc gọi nếu bạn không có mặt và ghi lại lời nhắn.

Java

Ngôn ngữ lập trình mới cho phép tạo ra các ứng dụng chạy trên mọi phần cứng mà không cần sửa đổi. Công nghệ này được ứng dụng nhiều trên Internet và các mạng nội bộ. Chương trình Java chạy trên trang Web được gọi là Java applet. Chương trình Java chạy trên điện thoại di động hoặc máy nhắn tin được gọi là MIDlet.

Khoá cuộc gọi

Khả năng khoá cuộc gọi đi và cuộc gọi đến.

Mã bảo vệ máy

Khoá bảo vệ máy gồm 8 chữ số, chỉ cho phép người biết mã sử dụng điện thoại.

Mở nắp bàn phím

Khả năng quay số bằng giọng nói hay truy cấp chức năng bằng giọng nói khi mở nắp bàn phím.

Phím mềm (hoặc phím Menu)

Hai phím và trên điện thoại, có chức năng thay đổi được hiển thị tại dòng cuối cùng của màn hình.

PIN (Personal Identity Number)

Khoá bảo vệ thẻ SIM gồm 4 chữ số do nhà cung cấp mạng cung cấp, chỉ cho phép người biết mã sử dụng thẻ SIM.

PUK (PIN Unblocking Key)

Mã của thẻ SIM, gồm 8 chữ số, dùng để giải mã nếu nhập sai mã PIN 3 lần liên tiếp.

Roaming

Khả năng sử dụng điện thoại trong một mạng di động khác, tương tự như dịch vụ chuyển vùng của các mạng điện thoại di động tại Việt nam.

Số dịch vụ

Các số điện thoại đặc biệt của mạng cho phép bạn truy cập một số chức năng đặc biệt như hộp thư thoại, hướng dẫn sử dụng, dịch vụ khác hàng, gọi khẩn cấp ... .

SIM (Subscriber Identification Module)

Thẻ chứa các thông tin cần thiết để sử dụng máy điện thoại (thông tin về mạng, bộ nhớ cũng như các thông tin cá nhân của người dùng). Chỗ của thẻ SIM là ở mặt sau điện thoại, dưới pin.

SMS (Short Message Service)

Tin nhắn ngắn dạng ký tự, gồm không quá 160 ký tự, có thể được gửi từ điện thoại này sang điện thoại khác.

Từ mục

A

An toàn
- chú ý *7
- đường * 132
- môi trường hoạt động * 134
- những nơi dễ cháy nổ * 136
- pin * 130
- thông tin * 128, 138

An toàn giao thông * 132
Ảnh động * 66, 70
Âm bàn phím
- chỉnh âm lượng * 24
- chọn (3.4) * 79
- gửi * 50
- tắt * 50

Âm bàn phím (3.4) * 79
Âm báo
- âm bật/tắt (3.6) * 81
- bàn phím (3.4) * 79
- báo mỗi phút * 82
- chuông (3.1) * 78
- lỗi * 82
- kết nối * 82
- khác (3.7) * 82
- tin nhắn (3.5) * 80

Âm bật/tắt (3.6) * 81
Âm DTMF
- gửi * 50

Âm lượng
- chỉnh *24
- chọn * 78

Âm lượng của loa * 24
Âm thanh
- tải về * 120
- tin nhắn * 66

B

Bản tin (1.10) * 72
Báo lỗi * 82
Báo mỗi phút * 82
Báo thức (5.4) * 100
Báo thức sáng * 100
Bảo quản * 139
Bấm phím trả lời * 91
Bật hồng ngoại (4.1) * 83
Bật/tắt
- âm báo * 81
- chế độ yên lặng * 28
- điện thoại * 20
- microphone * 49
- Biểu thị pin yếu * 19

Biểu trưng * 14
Biểu trưng của nhà cung cấp *91

C

Các âm khác (3.7) * 82
Các loại khoá điện thoại * 124
Các nhóm
- khép kín * 109
- người gọi * 35, 36, 37

Các số
- chế độ nhập * 47
- của bạn * 86
- FDN * 89
- gọi lại * 23
- lưu * 31
- số hộp thư thoại * 71
- sửa * 22
- sửa danh bạ * 34
- thêm vào danh bạ * 35
- tìm/gọi * 35
- xem số * 34
- xoá * 34

Các số đã gọi (2.3) * 75
Các số đã nhận (2.2) * 74
Cài đặt (1.5) * 68
- âm thanh (3) * 78
- báo thức (5.4) * 100
- điện thoại (4) * 83
- giờ (5.3.1) * 99

khác (4.8) * 91
khóa máy (4.6) * 86
màn hình (4.7) * 90
màu * 90
ngày (5.3.2) * 99
ngôn ngữ (4.5) * 86
xóa (4.10) * 92
Cài đặt âm thanh (3) * 78
Cài đặt khác (4.8) * 91
Cài đặt ngày (5.3.2)* 99
Cài đặt riêng (4.2) * 84
Chép
ghi chú * 95
số điện thoại * 34
việc cần làm * 98
Chế độ FDN (4.6.6) * 89
Chế độ tiên đoán * 44
Chế độ yên lặng * 28
Chọn chức năng/tùy chọn * 29
Chuông
âm lượng (3.2) * 78
kiểu chuông (3.1) * 78
rung/chuông (3.3) * 79
Chuông * 66, 70, 78
Chuông/ảnh động * 66,70
Chuyển cuộc gọi (6.1) * 103
Chữ hoa * 46
Chữ thường * 46
Chức năng * 29
Cổng hồng ngoại * 83
Cuộc gọi
chuyển (6.1) * 103
cước phí (2.6) * 76
đã gọi (2.3) * 75
đã nhận (2.2) * 74
giữ (6.3) * 107
giữ * 48
gọi lại * 23
tự động * 91
gọi nhanh * 38
gọi nhóm * 52
gọi quốc tế * 22
kết thúc * 23
khẩn cấp * 137
khoá (6.2) * 105
nhỡ (2.1) * 26, 74
quản lý (2) * 74
thời gian (2.5) * 76
thực hiện * 22
trả lời cuộc gọi thứ 2 * 52
trong danh bạ * 35
từ chối * 25
Cuộc gọi hội nghị * 52
loại * 54
nói chuyện riêng * 53
thực hiện * 52
Cuộc gọi khẩn cấp * 137
Cuộc gọi nhỡ (2.1) * 26, 74
Cước phí gọi (2.6) * 76

D

Danh bạ
lưu * 31
nhập * 42
tìm/gọi * 35
Danh bạ * 31
chép * 34
gọi nhanh * 38
gọi nhóm * 35, 36, 37
lựa chọn * 34
lưu tên và số * 31
sửa * 34
thêm số * 35
thông tin bộ nhớ * 41
tìm/gọi * 35
xem * 34
xoá * 34, 40
Dịch vụ mạng (6) * 103

Đ
Đèn báo sóng * 15, 90
Đèn màn hình * 15, 90
    độ sáng * 90
Điện thoại
    cài đặt (4) * 83
    khoá (4.6.3) * 87
    mật mã * 124
Đọc tin * 62
Độ sáng (4.7.1) * 90
Đổi
    chế độ nhập * 43
    mã khoá cuộc gọi * 106
    mật mã (4.6.4) * 88
    PIN (4.6.2) * 87
    PIN2 (4.6.7) * 89
Đổi tiền (5.6) * 102
FDN * 89

G
Ghi chú
    chép * 95
    sửa * 95
    viết * 94
    xoá * 93, 95
Giải trí (7) * 111
Giờ quốc tế (5.3.3) * 99
Giữ cuộc gọi * 48, 52, 107
Gọi lại
    số mới gọi * 23
    tự động * 91
Gọi lại số mới gọi * 23
Gọi nhanh * 38
Gọi nhóm (6.6) * 109
Gọi nhóm * 109
Gửi
    âm bàn phím * 50
    âm DTMF * 50
    tin nhắn * 65

H
Hình ảnh
    màn hình nền * 84
    tin nhắn * 66, 70
Hỏi đáp * 121
Hộp thư đến (1.1) * 62
Hộp thư đi (1.2) * 63
Hộp thư thoại (1.9) * 71

I
Internet * 112

K
Kết nối
    âm báo * 82
    đến hộp thư thoại * 71
Kho chuông/ảnh động (1.7) * 70
Khoá
    cuộc gọi (6.2) * 105
    điện thoại (4.6.3) * 87
    mật mã * 106, 127
    phím * 21, 85
    thẻ SIM (4.6.5) * 88
Khóa máy (4.6) * 86
Khuôn mẫu (1.4) * 67
Ký tự
    chọn chế độ * 43
    nhập * 42

L
Lịch năm (5.1) * 93
Lịch năm * 93
Logo đồ họa (4.7.4) * 91
Lời chào (4.3) * 85
Lựa chọn
    chọn * 29
Lựa chọn mạng (6.4) * 108

M

Màn hình * 13
- biểu trưng * 14
- cài đặt (4.7) * 90
- độ sáng * 90
- ngôn ngữ (4.5) * 86

Màn hình nền * 84
Máy điều hoà nhịp tim * 134
Máy tính (5.5) * 101
Mật mã điện thoại * 124
- đổi * 88
- khoá * 127
- đổi * 106

Menu
- di chuyển * 55
- kiểu * 84
- liệt kê * 56
- phím nóng * 56

Mở bàn phím * 21, 85

N

Nạp pin * 18
Ngôn ngữ (4.5) * 86
Người gọi
- nhóm * 35, 36, 37

Nhập ký tự đặc biệt * 47
Nhóm người gọi * 109
Những nơi dễ cháy nổ * 136

P

Phím
- khoá * 21, 85
- khoá tự động * 85
- mềm * 29
- nóng * 92
- nội dung * 11
- vị trí * 10

Phím mềm * 29
Phím nóng (4.9) * 92
Phụ kiện * 9
Pin
- biểu thị pin yếu * 19
- chú ý * 130
- đang sạc * 18

PIN * 125
- đổi * 87
- hỏi mã * 87

PIN2 * 126
- đổi * 89

PUK * 125
PUK2 * 126

R

Roaming * 108
Rung * 28, 79
Rung/chuông (3.3) * 79

S

Sạc nhanh * 18
SMS
- biểu tượng tin nhắn * 62
- cài đặt * 68
- dịch vụ * 51, 62

Sóng vô tuyến * 128
Số của bạn (4.4) * 86
Số hộp thư thoại * 71
Sửa
- cuộc gọi nhỡ * 27, 74
- các số trong danh bạ * 34
- ghi chú * 95
- gọi nhóm * 37
- việc cần làm * 97

Sửa số * 22

T
Tải về (7.3) * 119
Tắt
    âm bàn phím * 50
    microphone * 49
Tắt microphone * 49
Thẻ SIM
    gắn * 16
    khoá* 88
Thiết bị điện tử * 134
Thiết bị trợ thính * 135
Thiết bị y tế * 135
Thông tin bộ nhớ
    danh bạ * 41
    tin nhắn (1.8) * 71
Thông tin về ảnh hưởng sức khoẻ * 128
Thời gian
    cài đặt (5.3.1) * 99
    dạng thức (5.3.4) * 99
    gọi (2.5) * 76
Thời gian (5.3) * 99
Thời gian gọi * 76, 82
Tiện ích (5) * 93
Tìm trong danh bạ * 35
Tin nhắn * 62
    báo (3.5) * 80
    bản tin (1.10) * 72
    các tin soạn sẵn (1.4) * 67
    cài đặt (1.5) * 68
    chuông/ảnh động * 70
    hộp thư đến (1.1) * 62
    hộp thư đi (1.2) * 63
    hộp thư thoại (1.9) * 71
    thông tin bộ nhớ (1.8) * 71
    viết tin mới (1.3) * 65
    xoá (1.6) * 69
Tin gửi đi * 63
Tin nhận được * 62
Trả lời
    cuộc gọi * 25
    cuộc gọi thứ hai * 52
Tranh ảnh màn hình nền * 84
    tải về * 120
    tin nhắn * 66, 70
Trình duyệt WAP (7.2) * 112
Trò chơi (7.1) * 111
Từ chối cuộc gọi * 25
Tự bật nguồn * 100
Tự động gọi lại * 91
Tự động khoá phím (4.2.3) * 85

V
Việc cần làm
    sửa * 97
    tạo * 96
Việc cần làm (5.2) * 96
Viết
    ghi chú * 94
    tin nhắn * 65
Viết tin mới (1.3) * 65

X
Xem số * 34
Xoá
    cuộc gọi nhỡ * 27, 74
    các số trong danh bạ * 34, 40
    ghi chú * 93, 95
    danh sách cuộc gọi * 27, 75
    tin nhắn * 63, 64, 69
    việc cần làm * 98
Xoá mọi cài đặt (4.10) * 92

Cách truy cập menu.	1. Bấm phím mềm **Menu**. 2. Dùng ⁀ hoặc ⁀ để di chuyển trong danh sách menu 3. Bấm phím mềm **Chọn** (Select). 4. Dùng ⁀ hoặc ⁀ để di chuyển đến tuỳ chọn cần thiết. 4. Bấm phím mềm **Chọn** (Select) để chọn.
* Chức năng của các phím mềm (và) được hiển thị ở dòng dưới cùng của màn hình.	

Tra cứu nhanh cho điện thoại SGH C100.

Bật / Tắt	Bấm và giữ \⓪.
Thực hiện cuộc gọi	1. Nhập số cần gọi 2. Bấm phím
Kết thúc cuộc gọi.	Bấm nhẹ phím \①
Xem cuộc gọi nhỡ.	1. Bấm phím mềm Xem (View) 2. Dùng ⁀ hoặc ⁀ để di chuyển trong danh sách cuộc gọi nhỡ. 3. Để gọi lại, bấm .

Trả lời điện thoại.	Mở nắp điện thoại hay bấm .	Lưu số vào danh bạ (tiếp theo)	5. Chọn bộ nhớ rồi bấm phím mềm **Chọn** (Select) 6. Nhập tên 7. Bấm phím mềm **OK**. 8. Đổi vị trí lưu nếu cần 9. Bấm phím mềm **OK**. 10. Bấm để về trạng thái chờ.
Chỉnh âm lượng	Dùng 2 phím ▲, ▼ bên hông điện thoại.	Tìm số trong danh bạ	1. Bấm phím mềm **Danh bạ** (Name) 2. Chọn tùy chọn **Tìm kiếm** (Search). 3. Nhập chữ cái đầu của tên cần tìm. 4. Di chuyển bằng hoặc đến tên cần tìm. 5. Bấm phím mềm **Xem** (View). 6. Di chuyển bằng hoặc để xem các số của tên. 7. Nếu muốn gọi, bấm
Chọn Rung/Chuông	1. Vào tùy chọn Rung/chuông (Menu 3.3) 2. Chọn một kiểu báo: - **Chỉ báo đèn** (Light Only) - **Chuông** (Melody) - **Rung** (Vibration) - **Rung & chuông** (Vibra + Melody) 3. Bấm phím **Chọn** (Select).		
Lưu số vào danh bạ	1. Nhập số. 2. Bấm phím mềm **Lưu** (Save). 3. Chọn biểu trưng cho số. 4. Bấm phím mềm **Chọn** (Select)		